

DANH SÁCH SINH VIÊN THI LẠI
HK2(2019-2020) - ĐỢT 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1	180231	Nguyễn Nhật	Duy	03/03/2000	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
2	180231	Nguyễn Nhật	Duy	03/03/2000	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
3	180231	Nguyễn Nhật	Duy	03/03/2000	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
4	188628	Nguyễn Nhật	Linh	14/12/1999	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
5	188628	Nguyễn Nhật	Linh	14/12/1999	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
6	188628	Nguyễn Nhật	Linh	14/12/1999	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
7	188928	Nguyễn Trần An	Duy	19/05/2000	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
8	188928	Nguyễn Trần An	Duy	19/05/2000	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
9	188928	Nguyễn Trần An	Duy	19/05/2000	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
10	189073	Thái Huỳnh Sơn	Điền	24/01/2000	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
11	189073	Thái Huỳnh Sơn	Điền	24/01/2000	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
12	189073	Thái Huỳnh Sơn	Điền	24/01/2000	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
13	1810022	Nguyễn Thanh	Thiên	26/09/1998	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
14	1810022	Nguyễn Thanh	Thiên	26/09/1998	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
15	1810022	Nguyễn Thanh	Thiên	26/09/1998	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
16	1810581	Dương Quốc	Lĩnh	04/07/1998	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
17	1810581	Dương Quốc	Lĩnh	04/07/1998	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
18	1810581	Dương Quốc	Lĩnh	04/07/1998	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
19	189024	Nguyễn Thành	Nhi	02/09/2000	18CKO-TT	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
20	189024	Nguyễn Thành	Nhi	02/09/2000	18CKO-TT	Tư tưởng Hồ Chí Minh
21	189024	Nguyễn Thành	Nhi	02/09/2000	18CKO-TT	Nguyên lý máy - Chi tiết máy
22	191298	Nguyễn Thành	Đạt	22/07/2001	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
23	192164	Lê Minh	Nhật	07/10/2001	19CKO-TT	Vật lý đại cương
24	191842	Bùi Thanh	Trung	09/07/2001	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
25	191300	Nguyễn Thành	Đạt	30/12/2000	19CKO-TT	Vật lý đại cương
26	192164	Lê Minh	Nhật	07/10/2001	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
27	191910	Lai Hoàng Gia	Lai	25/06/2001	19CKO-TT	Anh văn trung cấp 2
28	192327	Thiều Chí	Hiếu	10/08/2001	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
29	192164	Lê Minh	Nhật	07/10/2001	19CKO-TT	Anh văn trung cấp 2
30	192538	Nguyễn Ngọc	Bảo	26/12/2001	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
31	1910019	Nguyễn Phạm	Tường	30/01/01	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
32	191300	Nguyễn Thành	Đạt	30/12/2000	19CKO-TT	Anh văn trung cấp 2
33	1910040	Trần Phước	Hậu	21/09/01	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
34	191300	Nguyễn Thành	Đạt	30/12/2000	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
35	191354	Nguyễn Tấn	Phát	14/08/2001	19CKO-TT	Cơ học lý thuyết
36	191597	Lê Ngọc	Nhi	18/09/2001	19QTK-TT	Kinh tế vi mô
37	191597	Lê Ngọc	Nhi	18/09/2001	19QTK-TT	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
38	191597	Lê Ngọc	Nhi	18/09/2001	19QTK-TT	Anh văn trung cấp 2
39	191597	Lê Ngọc	Nhi	18/09/2001	19QTK-TT	Kinh tế chính trị
40	191696	Nguyễn Tấn	Khang	21/11/2001	19QTK-TT	Kinh tế vi mô
41	191696	Nguyễn Tấn	Khang	21/11/2001	19QTK-TT	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
42	191696	Nguyễn Tấn	Khang	21/11/2001	19QTK-TT	Anh văn trung cấp 2
43	191696	Nguyễn Tấn	Khang	21/11/2001	19QTK-TT	Kinh tế chính trị
44	199871	Võ Đặng Thúy	Nga	21/11/2001	19QTK-TT	Kinh tế vi mô
45	199960	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	12/06/2001	19QTK-TT	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
46	199960	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	12/06/2001	19QTK-TT	Kinh tế chính trị
47	199960	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	12/06/2001	19QTK-TT	Kinh tế vi mô
48	199792	Nguyễn Tú	Trình	26/06/2001	19QTK-TT	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
49	199792	Nguyễn Tú	Trình	26/06/2001	19QTK-TT	Kinh tế chính trị
50	199792	Nguyễn Tú	Trình	26/06/2001	19QTK-TT	Kinh tế vi mô
51	199960	Nguyễn Thị Tuyết	Trình	12/06/2001	19QTK-TT	Anh văn trung cấp 2
52	199792	Nguyễn Tú	Trình	26/06/2001	19QTK-TT	Anh văn trung cấp 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
53	199751	Triệu Vĩnh	Khang	02/03/2001	19TIN-TT	Toán rời rạc 1
54	190739	Trần Hải	Duy	23/09/2001	19TIN-TT	Anh văn trung cấp 3
55	190739	Trần Hải	Duy	23/09/2001	19TIN-TT	Toán rời rạc 1
56	192229	Danh	Duy	10/06/2001	19TIN-TT	Toán rời rạc 1
57	190739	Trần Hải	Duy	23/09/2001	19TIN-TT	Kinh tế chính trị
58	190739	Trần Hải	Duy	23/09/2001	19TIN-TT	Anh văn trung cấp 2
59	190740	Trần Gia	Bảo	07/05/2001	19XET-TT	Lý sinh
60	190740	Trần Gia	Bảo	07/05/2001	19XET-TT	Kinh tế chính trị
61	1411105595	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	07/09/1996	CD15DUO01	Hóa phân tích 1
62	166522	Phan Minh	Hoàng	05/05/1998	CD16DUO01	Anh văn căn bản 2
63	1331310775	Nguyễn Phương Uyên	My	08/08/1995	DH13XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
64	1421103854	Châu	Kỳ	08/04/1994	DH14DUO05	Độ ổn định của thuốc
65	1421103854	Châu	Kỳ	08/04/1994	DH14DUO05	Dược liệu 2
66	150626	Nguyễn Văn	Khải	28/09/1997	DH15DUO01	Độ ổn định của thuốc
67	151553	Nguyễn Phát	Tài	21/06/1994	DH15DUO01	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc
68	1421103705	Lê Quang Thúy	Vy	20/06/1996	DH15DUO01	Chăm sóc dược
69	150805	Trần Minh	Thành	30/04/1997	DH15DUO01	Độ ổn định của thuốc
70	1421103705	Lê Quang Thúy	Vy	20/06/1996	DH15DUO01	Độ ổn định của thuốc
71	150952	Nguyễn Văn	Khánh	04/06/1997	DH15DUO02	Chăm sóc dược
72	151696	Phạm Thị Tuyết	Nhung	20/10/1996	DH15DUO02	Anh văn căn bản 2
73	150952	Nguyễn Văn	Khánh	04/06/1997	DH15DUO02	Độ ổn định của thuốc
74	151140	Ngô Gia	Kiện	12/12/1996	DH15DUO03	Độ ổn định của thuốc
75	151469	Đoàn Minh Đoàn	Trình	17/09/1997	DH15KTR01	Anh văn căn bản 2
76	150632	Nguyễn Văn	Sạch	12/08/1995	DH15QTK01	Nghiên cứu Marketing
77	150632	Nguyễn Văn	Sạch	12/08/1995	DH15QTK01	Kinh tế lượng
78	151602	Phan Đăng	Khoa	08/05/1997	DH15XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
79	165677	Tạ Thị	Huyền	29/01/1998	DH16CNT01	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm từ sữa
80	165677	Tạ Thị	Huyền	29/01/1998	DH16CNT01	Công nghệ sản xuất dầu thực vật
81	165958	Lê Nguyễn Thị Xuân	Mai	18/11/1998	DH16CNT01	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm từ sữa
82	165958	Lê Nguyễn Thị Xuân	Mai	18/11/1998	DH16CNT01	Công nghệ sản xuất dầu thực vật
83	166303	Trần Minh	Nhuận	16/12/1998	DH16CNT01	Công nghệ chế biến sữa và sản phẩm từ sữa
84	166303	Trần Minh	Nhuận	16/12/1998	DH16CNT01	Công nghệ sản xuất dầu thực vật
85	166605	Đặng Ngọc	Thảo	28/08/1996	DH16CNT01	Thống kê phép thí nghiệm trong CNTP
86	166646	Trần Trung	Trí	08/06/1997	DH16DUO01	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc
87	166014	Phạm Huỳnh Phương	Linh	30/04/1995	DH16DUO01	Dược động học
88	166794	Trần Thị Tuyết	Trình	10/10/1996	DH16DUO02	Giải phẫu 1
89	151645	Phạm Trường	Thịnh	05/09/1997	DH16DUO02	Dược lâm sàng 2
90	150650	Trần Thị Minh	Tiến	29/01/1997	DH16DUO02	Dược động học
91	151645	Phạm Trường	Thịnh	05/09/1997	DH16DUO02	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc
92	166055	Đặng Thị Bích	Chi	04/08/1998	DH16DUO02	Dược động học
93	151645	Phạm Trường	Thịnh	05/09/1997	DH16DUO02	Sản xuất thuốc 2
94	151645	Phạm Trường	Thịnh	05/09/1997	DH16DUO02	Dược động học
95	150648	Lý Hồng	Sáng	27/11/1997	DH16DUO03	Dược động học
96	166171	Trần Mỹ	Linh	23/11/1998	DH16DUO03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
97	165941	Trần Sỹ	Long	09/01/1998	DH16DUO03	Dược động học
98	166073	Nguyễn Thị Yến	Nhi	11/08/1997	DH16DUO03	Dược động học
99	166204	Nguyễn Ngọc Thảo	Ngân	29/07/1998	DH16DUO03	Dược động học
100	165605	Nguyễn Thanh	Nhân	16/02/1998	DH16DUO04	Dược động học
101	165624	Lê Thị Kim	Nguyên	22/08/1998	DH16DUO04	Dược động học
102	166415	Thái Thị Mỹ	Linh	24/03/1997	DH16DUO04	Dược động học
103	166766	Nguyễn Thị Quí	Ngân	24/12/1997	DH16DUO04	Dược động học
104	166199	Nguyễn Thị Trúc	Sương	29/08/1998	DH16DUO05	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc
105	165749	Nguyễn Minh	Giàu	03/09/1997	DH16DUO05	Dược động học
106	165779	Trương Hồng	Hân	12/03/1998	DH16DUO05	Nhóm GPs (GSP, GDP, GPP) - Bảo quản thuốc
107	165749	Nguyễn Minh	Giàu	03/09/1997	DH16DUO05	Sản xuất thuốc 2
108	166284	Huỳnh Trung Khởi	Nguyên	04/05/1998	DH16DUO05	Dược động học
109	166712	Dương Minh	Thư	15/07/1997	DH16DUO05	Dược động học

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
110	166885	Kim Thị Hồng	Thu	05/12/1998	DH16DUO05	Dược động học
111	165768	Lê Thị Thanh	Tuyền	1/1/1998	DH16KTO01	Phân tích hoạt động kinh doanh
112	165768	Lê Thị Thanh	Tuyền	1/1/1998	DH16KTO01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
113	165768	Lê Thị Thanh	Tuyền	1/1/1998	DH16KTO01	Kế toán tài chính 3
114	166490	Lê Văn	Tín	14/01/1996	DH16KTO01	Phân tích hoạt động kinh doanh
115	166287	Nguyễn An	Khang	17/12/1998	DH16KTO01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
116	166890	Bùi Thị Yến	Nhi	16/04/1997	DH16KTO01	Phân tích hoạt động kinh doanh
117	166490	Lê Văn	Tín	14/01/1996	DH16KTO01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
118	166339	Trần Bích	Ngọc	09/03/1998	DH16KTO01	Phân tích hoạt động kinh doanh
119	165722	Trần Thế	Hiển	01/07/1993	DH16KTR01	Hệ thống trang thiết bị công trình 1 (ánh sáng)
120	165722	Trần Thế	Hiển	01/07/1993	DH16KTR01	Hệ thống trang thiết bị công trình 2 (cấp thoát nước)
121	151524	Trần Minh	Thiện	06/06/1997	DH16KTR01	Anh văn căn bản 2
122	151807	Nguyễn Huỳnh	Thương	27/05/1996	DH16LKT01	Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử
123	166756	Đoàn Thị Huỳnh	Trâm	19/11/1998	DH16LKT02	Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử
124	165733	Nguyễn Nhật	Duy	20/06/1998	DH16LKT02	Kỹ năng tư vấn kinh doanh thương mại điện tử
125	165654	Nguyễn Văn	Nhân	25/01/1996	DH16QHC01	Truyền thông tiếp thị tích hợp
126	165654	Nguyễn Văn	Nhân	25/01/1996	DH16QHC01	Truyền thông và toàn cầu hóa
127	151451	Huỳnh Thanh	Sơn	11/02/1997	DH16QLT01	Đánh giá chất lượng đất, nước và không khí
128	151451	Huỳnh Thanh	Sơn	11/02/1997	DH16QLT01	Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở cộng đồng
129	167209	Võ Duy	Phương	16/11/1998	DH16QLT01	Cấp - Thoát nước
130	165878	Nguyễn Thành	Trung	06/12/1998	DH16TCN01	Kinh doanh ngoại hối
131	166526	Lâm Minh	Lợi	15/08/1998	DH16TIN01	Quản lý dự án phần mềm
132	166526	Lâm Minh	Lợi	15/08/1998	DH16TIN01	Kiểm thử phần mềm
133	166523	Huỳnh Bá	Lộc	26/05/1996	DH16TIN01	Lập trình hướng đối tượng
134	166856	Hoàng Đức	Thành	27/06/1997	DH16TIN01	Quản lý dự án phần mềm
135	166856	Hoàng Đức	Thành	27/06/1997	DH16TIN01	Kiểm thử phần mềm
136	165656	Trần Phước Thiện	Long	16/12/1996	DH16TIN01	Kiểm thử phần mềm
137	165924	Nguyễn Quốc	Tiến	05/12/1998	DH16TIN02	Kiểm thử phần mềm
138	166258	Nguyễn Đình	Bảo	10/01/1997	DH16TIN02	Lập trình hướng đối tượng
139	166382	Bùi Diệu Anh	Thư	12/02/1998	DH16TIN02	Kiểm thử phần mềm
140	175950	Nguyễn Thị Như	Ngọc	13/06/1999	DH17CNT01	Thống kê phép thí nghiệm trong CNTP
141	176208	Trần Minh	Nhật	01/12/1999	DH17CNT01	Kỹ thuật thực phẩm 1
142	176338	Nguyễn Bùi	Thiệu	15/02/1998	DH17CNT01	Dinh dưỡng
143	176338	Nguyễn Bùi	Thiệu	15/02/1998	DH17CNT01	Mây và thiết bị thực phẩm
144	176338	Nguyễn Bùi	Thiệu	15/02/1998	DH17CNT01	Phụ gia thực phẩm
145	176729	Đoàn Phương	Nam	29/06/1999	DH17CNT01	Thống kê phép thí nghiệm trong CNTP
146	178235	Phan Thị	Liên	30/06/1999	DH17CNT01	Thống kê phép thí nghiệm trong CNTP
147	176876	Nguyễn Duy	Tính	27/11/1999	DH17CNT01	Thống kê phép thí nghiệm trong CNTP
148	166894	Trần	Phúc	13/10/1996	DH17DUO01	Dược liệu 2
149	166894	Trần	Phúc	13/10/1996	DH17DUO01	Hóa dược 2
150	178149	Nguyễn Nhật	Linh	28/05/1998	DH17DUO01	Hóa dược 2
151	176250	Trần Thúy	Vy	25/06/1999	DH17DUO02	Dược liệu 2
152	176250	Trần Thúy	Vy	25/06/1999	DH17DUO02	Hóa dược 2
153	150638	Quang Anh	Kiệt	23/07/1997	DH17DUO02	Dược liệu 2
154	177921	Châu Lê Huỳnh	Ý	06/12/1999	DH17DUO02	Dược liệu 2
155	177921	Châu Lê Huỳnh	Ý	06/12/1999	DH17DUO02	Hóa dược 2
156	150638	Quang Anh	Kiệt	23/07/1997	DH17DUO02	Hóa dược 2
157	176502	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	28/06/1999	DH17DUO03	Dược liệu 2
158	176502	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	28/06/1999	DH17DUO03	Hóa dược 2
159	176931	Lương Diễm	Trần	09/12/1999	DH17DUO03	Dược liệu 2
160	176931	Lương Diễm	Trần	09/12/1999	DH17DUO03	Hóa dược 2
161	175752	Huỳnh Nhật	Quang	23/12/1999	DH17DUO04	Dược liệu 2
162	175752	Huỳnh Nhật	Quang	23/12/1999	DH17DUO04	Hóa dược 2
163	176074	Nguyễn Trường	Khả	07/08/1999	DH17DUO04	Dược liệu 2
164	176074	Nguyễn Trường	Khả	07/08/1999	DH17DUO04	Hóa dược 2
165	176485	Nguyễn Quốc	Thái	06/04/1999	DH17DUO04	Hóa dược 2
166	176312	Sơn Khương Ly	Bình	14/03/1999	DH17DUO04	Hóa dược 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
167	175871	Tô Phạm Quốc	An	03/10/1999	DH17DUO05	Hóa dược 2
168	176449	Trần Duy	Thanh	15/01/1999	DH17DUO05	Dược liệu 2
169	176594	Bùi Thị Ngọc	Phụng	29/07/1999	DH17DUO05	Dược liệu 2
170	176634	Lý Đăng	Khoa	14/08/1999	DH17DUO05	Hóa dược 2
171	177237	Tô Anh	Kiệt	09/03/1978	DH17DUO05	Dược liệu 2
172	177504	Trần Anh	Thư	02/07/1999	DH17DUO05	Dược liệu 2
173	177504	Trần Anh	Thư	02/07/1999	DH17DUO05	Hóa dược 2
174	177693	Trần Khánh	Vân	05/07/1999	DH17DUO05	Hóa dược 2
175	176124	Võ Quốc	Khanh	30/03/1998	DH17HAY01	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp vi tính
176	176124	Võ Quốc	Khanh	30/03/1998	DH17HAY01	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1
177	176124	Võ Quốc	Khanh	30/03/1998	DH17HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
178	177739	Lê Nguyễn Tuyết	Nhi	20/06/1999	DH17HAY01	Giải phẫu 1
179	176995	Hồ Phước	Hải	24/12/1999	DH17HAY01	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp vi tính
180	176550	Phan Võ Vinh	Quang	09/09/1998	DH17HAY01	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1
181	176995	Hồ Phước	Hải	24/12/1999	DH17HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
182	177844	Đặng Ngọc	Thị	25/05/1984	DH17HAY01	Giải phẫu hình ảnh cắt lớp vi tính
183	177844	Đặng Ngọc	Thị	25/05/1984	DH17HAY01	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính 1
184	177844	Đặng Ngọc	Thị	25/05/1984	DH17HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
185	176446	Huỳnh Lê Minh	Anh	04/09/1999	DH17KTO01	Thanh toán quốc tế
186	177679	Phạm Thanh	Thiện	20/07/1999	DH17KTO01	Kế toán chi phí
187	175926	Phạm Ngọc Thảo	Trình	14/05/1999	DH17KTO01	Kế toán tài chính 3
188	177679	Phạm Thanh	Thiện	20/07/1999	DH17KTO01	Kế toán tài chính 3
189	176979	Trần Thị Thùy	Dương	06/04/1999	DH17KTO01	Kế toán tài chính 3
190	175954	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	27/07/1999	DH17KTO01	Kế toán tài chính 1
191	175766	Lê Thị Kiều	Oanh	15/11/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
192	176556	Nguyễn Việt	Trường	30/03/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
193	177651	Thái Thị Trúc	Lam	18/09/1999	DH17LKT01	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại
194	177705	Nguyễn Trần Thanh	Xuân	01/10/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai
195	178066	Nguyễn Phú Bảo	Kỳ	02/01/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động
196	178066	Nguyễn Phú Bảo	Kỳ	02/01/1999	DH17LKT01	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại
197	178066	Nguyễn Phú Bảo	Kỳ	02/01/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai
198	176146	Triệu Minh	Tân	29/01/1996	DH17LKT01	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại
199	176393	Hồ Chí	Nguyễn	17/01/1999	DH17LKT01	Anh văn căn bản 2
200	176146	Triệu Minh	Tân	29/01/1996	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai
201	177164	Huỳnh Hữu	Nhân	08/09/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
202	178066	Nguyễn Phú Bảo	Kỳ	02/01/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
203	178066	Nguyễn Phú Bảo	Kỳ	02/01/1999	DH17LKT01	Pháp luật về an sinh xã hội
204	176146	Triệu Minh	Tân	29/01/1996	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
205	176544	Lê Ngọc	Thảo	28/10/1999	DH17LKT01	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
206	151399	Lê Thanh	Điền	24/05/1997	DH17LKT01	Anh văn căn bản 2
207	176398	Hồ Tấn	Đạt	23/04/1998	DH17LKT01	Anh văn căn bản 2
208	150968	Lê Tuấn	Ngọc	22/02/1997	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai
209	150968	Lê Tuấn	Ngọc	22/02/1997	DH17LKT02	Pháp luật về an sinh xã hội
210	177189	Nguyễn Thị	Diễm	22/04/1999	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động
211	177189	Nguyễn Thị	Diễm	22/04/1999	DH17LKT02	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại
212	177189	Nguyễn Thị	Diễm	22/04/1999	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai
213	177280	Nguyễn Thị Minh	Thư	25/08/1999	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động
214	177077	Ngô Hoàng	Huy	14/09/1999	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
215	177149	Lê Kiều	Diễm	08/04/1998	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
216	177189	Nguyễn Thị	Diễm	22/04/1999	DH17LKT02	Pháp luật về an sinh xã hội
217	177189	Nguyễn Thị	Diễm	22/04/1999	DH17LKT02	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế
218	175697	Trần Vũ Trường	Giang	06/07/1999	DH17LUA01	Tư pháp quốc tế
219	175697	Trần Vũ Trường	Giang	06/07/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
220	175697	Trần Vũ Trường	Giang	06/07/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự
221	175697	Trần Vũ Trường	Giang	06/07/1999	DH17LUA01	Luật tố tụng hình sự
222	178159	Đoàn Thị Huỳnh	Như	15/11/1999	DH17LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
223	175697	Trần Vũ Trường	Giang	06/07/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
224	176091	Nguyễn Hoàng	Vân	09/10/1998	DH17LUA01	Tư pháp quốc tế
225	176091	Nguyễn Hoàng	Vân	09/10/1998	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
226	176091	Nguyễn Hoàng	Vân	09/10/1998	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự
227	176091	Nguyễn Hoàng	Vân	09/10/1998	DH17LUA01	Luật tố tụng hình sự
228	176091	Nguyễn Hoàng	Vân	09/10/1998	DH17LUA01	Luật lao động 1
229	176777	Nguyễn Hà Phúc	Hậu	22/11/1999	DH17LUA01	Tư pháp quốc tế
230	176777	Nguyễn Hà Phúc	Hậu	22/11/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
231	176838	Huỳnh Tiến	Phát	01/10/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự
232	176777	Nguyễn Hà Phúc	Hậu	22/11/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1
233	176838	Huỳnh Tiến	Phát	01/10/1999	DH17LUA01	Tư pháp quốc tế
234	176838	Huỳnh Tiến	Phát	01/10/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
235	176838	Huỳnh Tiến	Phát	01/10/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1
236	177043	Lâm Hoàng	Bửu	19/09/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
237	177851	Nguyễn Minh	Khánh	23/05/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự
238	176991	Đoàn Mạnh	Tiến	11/10/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1
239	177594	Lê Minh	Chí	26/07/1999	DH17LUA01	Tư pháp quốc tế
240	177386	Đặng Văn	Tấn	11/08/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
241	176624	Thái Thị Thu	Trang	07/07/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự
242	177043	Lâm Hoàng	Bửu	19/09/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1
243	177851	Nguyễn Minh	Khánh	23/05/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
244	176624	Thái Thị Thu	Trang	07/07/1999	DH17LUA01	Tư pháp quốc tế
245	176624	Thái Thị Thu	Trang	07/07/1999	DH17LUA01	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính
246	177594	Lê Minh	Chí	26/07/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1
247	176624	Thái Thị Thu	Trang	07/07/1999	DH17LUA01	Luật lao động 1
248	177690	Trương Nhật	Duy	01/11/1999	DH17LUA02	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự
249	177078	La Bảo	Trần	25/11/1999	DH17LUA02	Tư pháp quốc tế
250	178328	Phạm Thành	Lộc	03/06/1994	DH17LUA02	Tư pháp quốc tế
251	175740	Lê Quốc	Thịnh	15/03/1999	DH17OTO01	Cơ điện tử
252	175741	Bùi Minh	Nhật	16/07/1999	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
253	175948	Lê Tuấn	Kiệt	19/09/1999	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
254	176410	Nguyễn Khánh	Linh	09/12/1999	DH17OTO01	Cơ điện tử
255	176428	Nguyễn Anh	Kiệt	14/05/1997	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
256	177158	Trương Hoàng	Chơn	04/01/1999	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
257	177585	Trần Quốc	Thịnh	13/04/1999	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
258	177732	Huỳnh Linh	Dương	10/06/1998	DH17OTO01	Vi xử lý ứng dụng
259	177861	Dương Tuấn	Anh	08/10/1999	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
260	177912	Trần Phúc	Nguyên	01/03/1999	DH17OTO01	Thiết kế và tính toán ô tô
261	175970	Lê Phước	Hậu	08/05/1999	DH17OTO02	Cơ điện tử
262	175970	Lê Phước	Hậu	08/05/1999	DH17OTO02	Vi xử lý ứng dụng
263	175970	Lê Phước	Hậu	08/05/1999	DH17OTO02	Thiết kế và tính toán ô tô
264	176688	Mai Trung	Hiếu	26/06/1999	DH17OTO02	Cơ điện tử
265	176688	Mai Trung	Hiếu	26/06/1999	DH17OTO02	Vi xử lý ứng dụng
266	177113	Lê Thành	Đạt	12/06/1999	DH17OTO02	Thiết kế và tính toán ô tô
267	175653	Trần Hoàng	Hậu	31/05/1999	DH17OTO02	Thiết kế và tính toán ô tô
268	176104	Nguyễn Hoàng	Phi	16/03/1998	DH17OTO03	Vi xử lý ứng dụng
269	176145	Võ Thanh	Chương	23/11/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
270	176612	Trần Văn	Nhớ	06/02/1998	DH17OTO03	Vi xử lý ứng dụng
271	176946	Hồ Vĩnh	Thắng	15/08/1999	DH17OTO03	Cơ điện tử
272	176946	Hồ Vĩnh	Thắng	15/08/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
273	176694	Trần Đình	Hoàng	30/10/1999	DH17OTO03	Vi xử lý ứng dụng
274	177198	Mai Việt	Shin	01/07/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
275	177447	Nguyễn Đức	Vĩnh	17/07/1999	DH17OTO03	Vi xử lý ứng dụng
276	177580	Trần Thắng	Tiến	01/10/1999	DH17OTO03	Cơ điện tử
277	177980	Lê Thanh	Yên	25/02/1999	DH17OTO03	Vi xử lý ứng dụng
278	177636	Bùi Đức	Thanh	07/10/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
279	178087	Nguyễn Mạnh	Vinh	20/06/1999	DH17OTO03	Vi xử lý ứng dụng
280	178160	Võ Hoàng	Khan	20/08/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
281	178165	Lương Quốc	Bảo	11/05/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
282	176578	Lê Tuấn	Anh	12/12/1997	DH17OTO03	Ví xử lý ứng dụng
283	177580	Trần Thăng	Tiến	01/10/1999	DH17OTO03	Ví xử lý ứng dụng
284	177254	Lê Phan	Trọng	08/09/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
285	177660	Nguyễn Minh	Khôi	27/04/1999	DH17OTO03	Ví xử lý ứng dụng
286	178087	Nguyễn Mạnh	Vinh	20/06/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
287	178118	Đoàn Huỳnh Anh	Khoa	12/01/1999	DH17OTO03	Ví xử lý ứng dụng
288	177580	Trần Thăng	Tiến	01/10/1999	DH17OTO03	Thiết kế và tính toán ô tô
289	175910	Nguyễn Nhựt	Khanh	12/08/1998	DH17OTO04	Ví xử lý ứng dụng
290	176429	Nguyễn Trần	Nam	20/06/1998	DH17OTO04	Cơ điện tử
291	175975	Phạm Triệu	Vỹ	11/05/1999	DH17OTO04	Thiết kế và tính toán ô tô
292	176429	Nguyễn Trần	Nam	20/06/1998	DH17OTO04	Ví xử lý ứng dụng
293	176520	Trần Thắng	Tài	15/12/1999	DH17OTO04	Cơ điện tử
294	176482	Trần Công	Quận	25/03/1999	DH17OTO04	Ví xử lý ứng dụng
295	177338	Lê Nguyễn Trung	Kiên	14/10/1999	DH17OTO04	Cơ điện tử
296	175983	Đinh Hoàng	Quý	29/10/1999	DH17OTO04	Cơ điện tử
297	177338	Lê Nguyễn Trung	Kiên	14/10/1999	DH17OTO04	Ví xử lý ứng dụng
298	176375	Hà Thị Thu	Ngân	01/01/1999	DH17OTO04	Cơ điện tử
299	177338	Lê Nguyễn Trung	Kiên	14/10/1999	DH17OTO04	Thiết kế và tính toán ô tô
300	176375	Hà Thị Thu	Ngân	01/01/1999	DH17OTO04	Ví xử lý ứng dụng
301	176879	Nguyễn Thanh	Hiếu	18/07/1999	DH17OTO04	Ví xử lý ứng dụng
302	176375	Hà Thị Thu	Ngân	01/01/1999	DH17OTO04	Thiết kế và tính toán ô tô
303	176421	Phạm Hoàng	Tuấn	16/09/1999	DH17OTO04	Thiết kế và tính toán ô tô
304	175784	Trần Minh	Hiền	08/09/1998	DH17QHC01	Quan hệ công chúng ứng dụng
305	176011	Đặng Phát	Triển	01/01/1999	DH17QHC01	Anh văn chuyên ngành 2 (QHCC)
306	176011	Đặng Phát	Triển	01/01/1999	DH17QHC01	Công cụ quan hệ công chúng 2(truyền hình)
307	176011	Đặng Phát	Triển	01/01/1999	DH17QHC01	Quản lý khủng hoảng
308	176486	Nguyễn Hoàng	Phúc	20/12/1995	DH17QHC01	Chiến lược và chiến thuật quan hệ công chúng
309	176486	Nguyễn Hoàng	Phúc	20/12/1995	DH17QHC01	Anh văn chuyên ngành 2 (QHCC)
310	176486	Nguyễn Hoàng	Phúc	20/12/1995	DH17QHC01	Công cụ quan hệ công chúng 2(truyền hình)
311	176486	Nguyễn Hoàng	Phúc	20/12/1995	DH17QHC01	Quản lý khủng hoảng
312	176527	Huỳnh Nhật	Thanh	23/12/1996	DH17QHC01	Anh văn chuyên ngành 2 (QHCC)
313	166197	Lư Hải	Minh	17/02/1997	DH17QLD01	Luật đất đai
314	177248	Lê Diệu	Linh	28/07/1998	DH17QLT01	Cấp - Thoát nước
315	177248	Lê Diệu	Linh	28/07/1998	DH17QLT01	Anh văn chuyên ngành (môi trường)
316	166315	Trần Minh	Nguyên	10/11/1998	DH17QTD01	Quản trị kinh doanh lưu trú
317	176540	Nguyễn Văn	Hoạt	11/01/1999	DH17QTD01	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
318	176540	Nguyễn Văn	Hoạt	11/01/1999	DH17QTD01	Quản trị khu du lịch
319	176540	Nguyễn Văn	Hoạt	11/01/1999	DH17QTD01	Quản trị kinh doanh lưu trú
320	176335	Lê Thanh	Hào	18/12/1999	DH17QTD01	Quản trị khu du lịch
321	176335	Lê Thanh	Hào	18/12/1999	DH17QTD01	Quản trị kinh doanh lưu trú
322	176335	Lê Thanh	Hào	18/12/1999	DH17QTD01	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
323	178275	Lâm Huỳnh	Như	19/06/1999	DH17QTD01	Quản trị khu du lịch
324	178275	Lâm Huỳnh	Như	19/06/1999	DH17QTD01	Quản trị kinh doanh lưu trú
325	178275	Lâm Huỳnh	Như	19/06/1999	DH17QTD01	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
326	177161	Đặng Phan Ánh	Sáng	30/06/1999	DH17QTD02	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch
327	166888	Trần Anh	Bằng	21/12/1998	DH17QTK01	Quản trị sản xuất
328	176508	Trần Hữu	Luận	05/04/1999	DH17QTK01	Quản trị sản xuất
329	175774	Đinh Hùng	Tiến	05/05/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
330	166263	Nguyễn Hoàng	Anh	18/10/1997	DH17QTK01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
331	177887	Thạch Thị Kiều	Oanh	17/01/1999	DH17QTK01	Quản trị sản xuất
332	166263	Nguyễn Hoàng	Anh	18/10/1997	DH17QTK01	Anh văn căn bản 2
333	175941	Trần Hải	Quân	05/02/1998	DH17QTK01	Quản trị sản xuất
334	176129	Phan Thị Kim	Anh	15/01/1999	DH17QTK01	Quản trị sản xuất
335	176508	Trần Hữu	Luận	05/04/1999	DH17QTK01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
336	176508	Trần Hữu	Luận	05/04/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
337	176577	Nguyễn Hữu	Hưng	22/10/1999	DH17QTK01	Anh văn căn bản 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
338	176929	Trần Nhật	Duy	27/10/1999	DH17QTK01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
339	177401	Đoàn Thành	Nhân	01/01/1998	DH17QTK01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
340	176695	Lâm Khánh	Ví	03/09/1998	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
341	177499	Lê Trường	Sang	26/04/1999	DH17QTK01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
342	176378	Đoàn Văn	Dương	28/01/1999	DH17QTK01	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
343	177499	Lê Trường	Sang	26/04/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
344	175941	Trần Hải	Quân	05/02/1998	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
345	177711	Lê Vĩnh	Hiền	13/07/1999	DH17QTK01	Anh văn căn bản 2
346	176378	Đoàn Văn	Dương	28/01/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
347	176627	Nguyễn Văn	Dinh	08/08/1998	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
348	177297	Nguyễn Tiến	Lên	28/08/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
349	176103	Trần Lê Minh	Ngọc	08/07/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
350	176123	Trần Hồng	Tươi	10/12/1999	DH17QTK01	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
351	176627	Nguyễn Văn	Dinh	08/08/1998	DH17QTK01	Anh văn căn bản 2
352	175694	Nguyễn Duy	Khang	04/09/1999	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
353	177087	Trần Kim	Minh	24/10/1999	DH17QTK02	Thương mại điện tử
354	177093	Kim Thị Hồng	Vân	14/11/1999	DH17QTK02	Thương mại điện tử
355	176012	Đặng Hằng	Mơ	05/05/1999	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
356	176590	Nguyễn Hoàng	Tòa	29/09/1999	DH17QTK02	Thương mại điện tử
357	176012	Đặng Hằng	Mơ	05/05/1999	DH17QTK02	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
358	176127	Nguyễn Minh	Trí	01/12/1997	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
359	176505	Hà Ngọc	Trần	26/07/1999	DH17QTK02	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
360	176487	Trương Anh	Thư	20/10/1999	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
361	176590	Nguyễn Hoàng	Tòa	29/09/1999	DH17QTK02	Quản trị sản xuất
362	176514	Trần Thị Ngọc	Ánh	19/04/1998	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
363	177415	Tô Ngọc	Liên	09/07/1999	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
364	176590	Nguyễn Hoàng	Tòa	29/09/1999	DH17QTK02	Thiết lập & Thẩm định dự án đầu tư
365	176590	Nguyễn Hoàng	Tòa	29/09/1999	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
366	178101	Nguyễn Dương Yến	Nhi	10/02/1999	DH17QTK02	Anh văn chuyên ngành 2 (QTKD)
367	175661	Đặng Thanh	Tiền	23/07/1998	DH17TCN01	Phân tích báo cáo tài chính
368	178184	Lâm Thị Tuyết	Nhi	10/08/1999	DH17TCN01	Thẩm định tín dụng
369	176490	Nguyễn Tuấn	Khoa	30/04/1999	DH17TCN01	Phân tích báo cáo tài chính
370	177260	Dương Chí	Tài	31/10/1999	DH17TCN01	Phân tích báo cáo tài chính
371	177315	Nguyễn Nhật	Hào	22/08/1999	DH17TCN01	Phân tích báo cáo tài chính
372	177645	Bùi Thị Diễm	Phương	04/02/1999	DH17TCN01	Phân tích báo cáo tài chính
373	165925	Trương Quốc	Việt	29/01/1998	DH17TCN01	Phân tích báo cáo tài chính
374	176141	Lê Bá	Duy	24/06/1999	DH17TIN01	Trí tuệ nhân tạo
375	175876	Danh Thị Thu	Hương	19/12/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
376	176141	Lê Bá	Duy	24/06/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
377	176602	Trần Trung	Tính	19/09/1998	DH17TIN01	Lập trình .net
378	178026	Đỗ Ngọc	Thế	26/12/1999	DH17TIN01	Trí tuệ nhân tạo
379	176886	Vũ Anh	Kiệt	25/05/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
380	177300	Trương Tiến	Minh	09/09/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
381	177490	Chương Văn	Quan	06/03/1998	DH17TIN01	Lập trình .net
382	178026	Đỗ Ngọc	Thế	26/12/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
383	178132	Trần	Đức	15/01/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
384	176919	Lê Minh	Lực	15/09/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
385	178181	Lâm Thị Thúy	Kiều	07/07/1999	DH17TIN01	Lập trình .net
386	165774	Phan Hiền	Hậu	20/01/1998	DH17TIN02	Trí tuệ nhân tạo
387	175723	Huỳnh Dư	Thuận	15/12/1999	DH17TIN02	Lập trình .net
388	166121	Tăng Gia	Phong	20/12/1998	DH17TIN02	Trí tuệ nhân tạo
389	175749	Nguyễn Đức	Tài	18/05/1999	DH17TIN02	Lập trình .net
390	177653	Huỳnh Ngọc	Phương	04/05/1999	DH17TIN02	Trí tuệ nhân tạo
391	177764	Cao Lê	Danh	29/10/1999	DH17TIN02	Trí tuệ nhân tạo
392	178089	Dương Thanh	Huy	13/08/1998	DH17TIN02	Trí tuệ nhân tạo
393	177700	Trần Quốc	Huy	06/09/1999	DH17TIN02	Trí tuệ nhân tạo
394	177356	Lê Trần Phước	Đức	03/02/1999	DH17TIN02	Lập trình .net

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
395	177422	Quách Phú	Quí	07/10/1999	DH17TIN02	Lập trình .net
396	177653	Huỳnh Ngọc	Phương	04/05/1999	DH17TIN02	Lập trình .net
397	177700	Trần Quốc	Huy	06/09/1999	DH17TIN02	Lập trình .net
398	166298	Nguyễn Lê	Tùng	16/08/1997	DH17XDU01	Anh văn chuyên ngành (Xây dựng)
399	175675	Nguyễn Văn	Thịnh	20/07/1998	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
400	177048	Nguyễn Trọng	Khoa	22/12/1997	DH17XDU01	Anh văn chuyên ngành (Xây dựng)
401	175920	Lê Vĩ	Khang	09/12/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
402	176292	Nguyễn Huỳnh	Phúc	20/06/1999	DH17XDU01	Anh văn chuyên ngành (Xây dựng)
403	176107	Ngô Nhật	Linh	09/06/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
404	177191	Nguyễn Khắc	Tài	12/06/1999	DH17XDU01	Anh văn chuyên ngành (Xây dựng)
405	177196	Danh Hoàng	Sỹ	14/11/1998	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
406	177854	Phạm Quốc	Anh	28/12/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
407	177191	Nguyễn Khắc	Tài	12/06/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
408	177460	Bùi Chiến	Thắng	25/09/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
409	177629	Phan Anh	Tú	20/04/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
410	177729	Nguyễn Thanh	Toàn	28/09/1997	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
411	178269	Nguyễn Hoàng	Luân	22/09/1998	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
412	175895	Nguyễn Bá	Tiến	09/08/1998	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
413	177620	Nguyễn Hoàng	Như	27/08/1999	DH17XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
414	177685	Nguyễn Trọng	Nhân	08/10/1999	DH17XET01	Xét nghiệm tế bào 1
415	176326	Đỗ Nguyễn Nhật	Thanh	06/08/1999	DH17XET01	Huyết học tế bào 2
416	178043	Dương Huyền	Chân	11/10/1999	DH17XET02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
417	180854	Nguyễn Quốc	Hiền	22/10/2000	DH18CNT01	Kỹ thuật thực phẩm 1
418	180744	Trần Thy	Thy	07/01/2000	DH18CNT01	Vĩ sinh thực phẩm
419	188819	Đoàn Trúc	Linh	18/02/2000	DH18CNT01	Kỹ thuật thực phẩm 1
420	188507	Nguyễn Hoàng	Hảo	27/12/2000	DH18CNT01	Kỹ thuật thực phẩm 1
421	189045	Lê Như	Huỳnh	08/09/2000	DH18CNT02	Vĩ sinh thực phẩm
422	189593	Cao Ngọc	Gìn	23/06/2000	DH18CNT02	Kỹ thuật thực phẩm 1
423	1810617	Nguyễn Đức	Thành	27/08/2000	DH18CNT02	Kỹ thuật thực phẩm 1
424	189027	Trần Thị Hoài	Thương	19/12/2000	DH18CNT02	Kỹ thuật thực phẩm 1
425	189370	Trang Huỳnh	Như	30/05/1999	DH18CNT02	Kỹ thuật thực phẩm 1
426	189456	Huỳnh Thị Thảo	My	19/09/1999	DH18CNT02	Kỹ thuật thực phẩm 1
427	1810034	Nguyễn Trọng Quốc	Thái	03/03/2000	DH18CNT02	Kỹ thuật thực phẩm 1
428	180223	Tăng Thúy	Vy	26/09/2000	DH18DUO01	Sinh lý
429	180223	Tăng Thúy	Vy	26/09/2000	DH18DUO01	Anh văn chuyên ngành (Dược)
430	180223	Tăng Thúy	Vy	26/09/2000	DH18DUO01	Hóa phân tích 1
431	180223	Tăng Thúy	Vy	26/09/2000	DH18DUO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
432	180147	Ngô Minh	Trung	04/03/2000	DH18DUO01	Anh văn chuyên ngành (Dược)
433	176267	Nguyễn Cao Sơn	Phước	18/06/1999	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
434	177273	Võ Minh	Trí	06/07/1997	DH18DUO02	Sinh lý
435	177273	Võ Minh	Trí	06/07/1997	DH18DUO02	Anh văn chuyên ngành (Dược)
436	177273	Võ Minh	Trí	06/07/1997	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
437	177273	Võ Minh	Trí	06/07/1997	DH18DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
438	189840	Nguyễn Chí	Bình	16/09/2000	DH18DUO02	Sinh lý
439	1810099	Chau	Nghét	01/01/2000	DH18DUO02	Sinh lý
440	1810136	Đồng Thụy Tú	Ngọc	28/05/2000	DH18DUO02	Sinh lý
441	1810842	Lê Đình	Vy	12/06/1997	DH18DUO02	Sinh lý
442	189840	Nguyễn Chí	Bình	16/09/2000	DH18DUO02	Anh văn chuyên ngành (Dược)
443	189840	Nguyễn Chí	Bình	16/09/2000	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
444	1810099	Chau	Nghét	01/01/2000	DH18DUO02	Anh văn chuyên ngành (Dược)
445	189840	Nguyễn Chí	Bình	16/09/2000	DH18DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
446	1810039	Trình Thị Kim	Lê	28/02/1999	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
447	1810136	Đồng Thụy Tú	Ngọc	28/05/2000	DH18DUO02	Anh văn chuyên ngành (Dược)
448	1810099	Chau	Nghét	01/01/2000	DH18DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
449	1810099	Chau	Nghét	01/01/2000	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
450	1810842	Lê Đình	Vy	12/06/1997	DH18DUO02	Anh văn chuyên ngành (Dược)
451	1810136	Đồng Thụy Tú	Ngọc	28/05/2000	DH18DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
452	1810136	Đồng Thụy Tú	Ngọc	28/05/2000	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
453	1810151	Phạm Nguyễn Đăng	Thư	19/09/1999	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
454	1810842	Lê Đình	Vy	12/06/1997	DH18DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
455	1810364	Nguyễn Hồng Thanh	Trúc	03/12/2000	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
456	1810947	Đỗ Quốc	Đại	27/06/2000	DH18DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
457	1810842	Lê Đình	Vy	12/06/1997	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
458	1810082	Đoàn Hồ Thúy	An	25/06/2000	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
459	1810470	Nguyễn Hải	Lý	05/05/2000	DH18DUO02	Hóa phân tích 1
460	188267	Miêu Thị	Lan	10/10/1998	DH18DUO03	Sinh lý
461	188267	Miêu Thị	Lan	10/10/1998	DH18DUO03	Anh văn chuyên ngành (Dược)
462	188267	Miêu Thị	Lan	10/10/1998	DH18DUO03	Hóa phân tích 1
463	188322	Huỳnh Thanh	Tâm	14/08/1996	DH18DUO03	Sinh lý
464	188322	Huỳnh Thanh	Tâm	14/08/1996	DH18DUO03	Anh văn chuyên ngành (Dược)
465	188267	Miêu Thị	Lan	10/10/1998	DH18DUO03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
466	188322	Huỳnh Thanh	Tâm	14/08/1996	DH18DUO03	Hóa phân tích 1
467	188322	Huỳnh Thanh	Tâm	14/08/1996	DH18DUO03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
468	175949	Hà Bùi Phước	Nhàn	30/09/1999	DH18DUO04	Sinh lý
469	175949	Hà Bùi Phước	Nhàn	30/09/1999	DH18DUO04	Anh văn chuyên ngành (Dược)
470	175949	Hà Bùi Phước	Nhàn	30/09/1999	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
471	175949	Hà Bùi Phước	Nhàn	30/09/1999	DH18DUO04	Hóa phân tích 1
472	176201	Dương Nguyễn Hồng	Ngọc	10/10/1999	DH18DUO04	Sinh lý
473	176201	Dương Nguyễn Hồng	Ngọc	10/10/1999	DH18DUO04	Anh văn chuyên ngành (Dược)
474	176201	Dương Nguyễn Hồng	Ngọc	10/10/1999	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
475	176201	Dương Nguyễn Hồng	Ngọc	10/10/1999	DH18DUO04	Hóa phân tích 1
476	177175	Phạm Yến	Nhi	08/09/1999	DH18DUO04	Sinh lý
477	176611	Đào Quang	Diệu	04/12/1999	DH18DUO04	Anh văn chuyên ngành (Dược)
478	176294	Trần Bích	Tuyền	05/12/1999	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
479	177175	Phạm Yến	Nhi	08/09/1999	DH18DUO04	Anh văn chuyên ngành (Dược)
480	176611	Đào Quang	Diệu	04/12/1999	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
481	177175	Phạm Yến	Nhi	08/09/1999	DH18DUO04	Hóa phân tích 1
482	177175	Phạm Yến	Nhi	08/09/1999	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
483	180722	Nguyễn Minh	Huy	14/06/2000	DH18DUO04	Sinh lý
484	188339	Huỳnh Đăng Tuấn	Anh	04/06/2000	DH18DUO04	Sinh lý
485	188339	Huỳnh Đăng Tuấn	Anh	04/06/2000	DH18DUO04	Anh văn chuyên ngành (Dược)
486	188339	Huỳnh Đăng Tuấn	Anh	04/06/2000	DH18DUO04	Hóa phân tích 1
487	188394	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	28/04/2000	DH18DUO04	Sinh lý
488	188394	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	28/04/2000	DH18DUO04	Anh văn chuyên ngành (Dược)
489	188339	Huỳnh Đăng Tuấn	Anh	04/06/2000	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
490	188394	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	28/04/2000	DH18DUO04	Hóa phân tích 1
491	188394	Nguyễn Thị Mỹ	Lan	28/04/2000	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
492	180661	Hồ Nhật	Linh	05/09/2000	DH18DUO04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
493	188833	Lâm Bảo	Trần	14/02/2000	DH18DUO05	Sinh lý
494	188830	Huỳnh Tấn	Lộc	10/09/1998	DH18DUO05	Anh văn chuyên ngành (Dược)
495	188830	Huỳnh Tấn	Lộc	10/09/1998	DH18DUO05	Hóa phân tích 1
496	188907	Phạm Hoàng	Khang	21/12/2000	DH18DUO05	Sinh lý
497	188833	Lâm Bảo	Trần	14/02/2000	DH18DUO05	Anh văn chuyên ngành (Dược)
498	188830	Huỳnh Tấn	Lộc	10/09/1998	DH18DUO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
499	188833	Lâm Bảo	Trần	14/02/2000	DH18DUO05	Hóa phân tích 1
500	189028	Nguyễn Ngọc	Diễm	16/04/2000	DH18DUO05	Sinh lý
501	188907	Phạm Hoàng	Khang	21/12/2000	DH18DUO05	Anh văn chuyên ngành (Dược)
502	188833	Lâm Bảo	Trần	14/02/2000	DH18DUO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
503	188903	Võ Vương	Sấm	10/09/2000	DH18DUO05	Hóa phân tích 1
504	188965	Lý Thế	Huy	09/10/1998	DH18DUO05	Anh văn chuyên ngành (Dược)
505	188907	Phạm Hoàng	Khang	21/12/2000	DH18DUO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
506	188907	Phạm Hoàng	Khang	21/12/2000	DH18DUO05	Hóa phân tích 1
507	189028	Nguyễn Ngọc	Diễm	16/04/2000	DH18DUO05	Anh văn chuyên ngành (Dược)
508	188965	Lý Thế	Huy	09/10/1998	DH18DUO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
509	188965	Lý Thế	Huy	09/10/1998	DH18DUO05	Hóa phân tích 1
510	189028	Nguyễn Ngọc	Diễm	16/04/2000	DH18DUO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
511	189028	Nguyễn Ngọc	Diễm	16/04/2000	DH18DUO05	Hóa phân tích 1
512	189188	Huỳnh Thị Kim	Ngân	17/03/2000	DH18DUO06	Anh văn chuyên ngành (Dược)
513	189542	Nguyễn Ngọc Bảo	Trung	02/07/2000	DH18HAY01	Anh văn chuyên ngành kỹ thuật hình ảnh y tế
514	189106	Lê Gia	Bảo	23/11/2000	DH18HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
515	1810281	Huỳnh Nhất	Quy	19/10/2000	DH18HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
516	189150	Đình Xuân	Huy	20/11/2000	DH18HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
517	189542	Nguyễn Ngọc Bảo	Trung	02/07/2000	DH18HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
518	180532	Dương Khánh	Bằng	24/04/1996	DH18HAY01	Sinh lý bệnh và miễn dịch
519	1331300655	Vũ Hồ Hương	Giang	03/11/1995	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
520	1331300655	Vũ Hồ Hương	Giang	03/11/1995	DH18KTO01	Kinh tế lượng
521	1331300655	Vũ Hồ Hương	Giang	03/11/1995	DH18KTO01	Marketing căn bản
522	177180	Ngô Thị Như	Giao	28/12/1999	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
523	180106	Phạm Thị Ngọc	Hiền	04/07/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
524	188459	Dương Thị Yến	Thư	29/12/2000	DH18KTO01	Marketing căn bản
525	180425	Nguyễn Như	Ý	04/10/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
526	180480	Mai Trúc	Linh	17/04/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
527	177180	Ngô Thị Như	Giao	28/12/1999	DH18KTO01	Kinh tế lượng
528	180723	Phan Trường	Giang	12/07/1999	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
529	180739	Nguyễn Tú	Trần	13/09/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
530	189698	Trịnh Kim	Anh	27/07/2000	DH18KTO01	Marketing căn bản
531	180835	Lê Thị Như	Ngọc	15/03/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
532	180106	Phạm Thị Ngọc	Hiền	04/07/2000	DH18KTO01	Kinh tế lượng
533	180868	Nguyễn Thị Hồng	Thơ	12/01/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
534	188357	Huỳnh Thị Tuyết	Ngân	12/03/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
535	188360	Phạm Thị Thùy	Giang	08/10/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
536	188459	Dương Thị Yến	Thư	29/12/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
537	188185	Nguyễn Bảo	Khang	28/03/2000	DH18KTO01	Kinh tế lượng
538	188459	Dương Thị Yến	Thư	29/12/2000	DH18KTO01	Kinh tế lượng
539	189698	Trịnh Kim	Anh	27/07/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
540	188459	Dương Thị Yến	Thư	29/12/2000	DH18KTO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
541	1810937	Huỳnh	Nga	01/01/1998	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
542	189698	Trịnh Kim	Anh	27/07/2000	DH18KTO01	Kinh tế lượng
543	180204	Dương Hồng	Gấm	02/04/2000	DH18KTO01	Kế toán tài chính 1
544	189698	Trịnh Kim	Anh	27/07/2000	DH18KTO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
545	189348	Châu Bùi Thảo	Nguyên	13/10/2000	DH18KTO02	Marketing căn bản
546	188948	Lê Hữu Anh	Minh	26/04/1999	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
547	189194	Lâm Bảo	Yến	12/11/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
548	1810568	Lê Thị Mỹ	Lan	31/10/1998	DH18KTO02	Marketing căn bản
549	189306	Trần Thái	Ngọc	08/05/1999	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
550	189348	Châu Bùi Thảo	Nguyên	13/10/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
551	189427	Huỳnh Thị Kim	Thúy	17/04/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
552	189535	Bào Kim	Ngân	20/02/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
553	189581	Lê Huỳnh Trung	Thư	03/06/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
554	189650	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phụng	03/08/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
555	189667	Phan Thị Thùy	Dương	24/12/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
556	188948	Lê Hữu Anh	Minh	26/04/1999	DH18KTO02	Kinh tế lượng
557	1810049	Trần Phương	Uyên	11/07/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
558	1810065	Ngô Hoài	Ngọc	27/03/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
559	1810174	Võ Trần Tiến	Thư	31/08/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
560	1810304	Cao Thị Kiều	Oanh	03/04/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
561	1810313	Nguyễn Văn Nhựt	Trường	27/07/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
562	189348	Châu Bùi Thảo	Nguyên	13/10/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
563	1810423	Lê Thị Huyền	Trang	25/10/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
564	1810561	Neáng	Ních	10/11/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
565	189508	Trần Thùy	Dung	06/12/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
566	1810568	Lê Thị Mỹ	Lan	31/10/1998	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
567	189535	Bào Kim	Ngân	20/02/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
568	189170	Tô Thanh	Sang	11/04/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
569	189581	Lê Huỳnh Trung	Thư	03/06/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
570	189668	Trần Minh	Mẫn	26/12/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
571	189650	Nguyễn Ngọc Mỹ	Phụng	03/08/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
572	189350	Lê Thị Kiều	Trang	11/06/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
573	1810065	Ngô Hoài	Ngọc	27/03/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
574	189348	Châu Bùi Thảo	Nguyên	13/10/2000	DH18KTO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
575	189470	Nguyễn Ngọc	Tiếp	05/07/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
576	189576	Đồng Thị Thùy	Tiên	19/08/2000	DH18KTO02	Kế toán tài chính 1
577	1810561	Neáng	Ních	10/11/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
578	1810568	Lê Thị Mỹ	Lan	31/10/1998	DH18KTO02	Kinh tế lượng
579	189293	Mai Hoàng	Phú	13/10/2000	DH18KTO02	Kinh tế lượng
580	1810568	Lê Thị Mỹ	Lan	31/10/1998	DH18KTO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
581	1810154	Đinh Mỹ	Như	23/07/2000	DH18KTR01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
582	177853	Đặng Quốc	Tĩnh	23/12/1998	DH18LKT01	Luật dân sự 2
583	177853	Đặng Quốc	Tĩnh	23/12/1998	DH18LKT01	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)
584	180206	Nguyễn Khánh	Duy	12/04/2000	DH18LKT01	Luật dân sự 2
585	1810017	Huỳnh Yến	Nhi	09/06/2000	DH18LKT01	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)
586	180494	Huỳnh Thanh	Ngân	27/09/1999	DH18LKT01	Luật dân sự 2
587	177111	Lê Thanh	Miền	20/12/1995	DH18LKT01	Luật lao động 1
588	188102	Phạm Thị Cẩm	Thi	24/01/2000	DH18LKT01	Luật dân sự 2
589	188147	Đặng Thị Thùy	Dung	03/04/2000	DH18LKT01	Luật dân sự 2
590	177853	Đặng Quốc	Tĩnh	23/12/1998	DH18LKT01	Luật lao động 1
591	180093	Lâm Minh	Tuấn	08/08/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
592	180494	Huỳnh Thanh	Ngân	27/09/1999	DH18LKT01	Luật lao động 1
593	180546	Trịnh Xuân	Quỳnh	24/03/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
594	180696	Nguyễn Tấn	Duy	23/09/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
595	1810448	Nguyễn Quốc	Cường	06/07/2000	DH18LKT01	Luật dân sự 2
596	1810108	Huỳnh Ngọc Xuân	Thành	20/01/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
597	1810017	Huỳnh Yến	Nhi	09/06/2000	DH18LKT01	Luật dân sự 2
598	1810448	Nguyễn Quốc	Cường	06/07/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
599	180233	Nguyễn Thị Mước	Em	02/01/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
600	188378	Quách Duy	Tân	02/12/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
601	1810017	Huỳnh Yến	Nhi	09/06/2000	DH18LKT01	Luật lao động 1
602	1810017	Huỳnh Yến	Nhi	09/06/2000	DH18LKT01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
603	166329	Cao Thị Minh	Như	02/03/1998	DH18LKT02	Luật dân sự 2
604	166329	Cao Thị Minh	Như	02/03/1998	DH18LKT02	Luật lao động 1
605	166329	Cao Thị Minh	Như	02/03/1998	DH18LKT02	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)
606	189252	Võ Thị Thúy	Vy	12/03/2000	DH18LKT02	Luật thương mại 2 (pháp luật về hoạt động thương mại)
607	1810284	Trần Dư Trâm	Doanh	19/03/2000	DH18LKT02	Luật dân sự 2
608	189006	Nguyễn Yến	Nhi	12/05/2000	DH18LKT02	Luật lao động 1
609	189252	Võ Thị Thúy	Vy	12/03/2000	DH18LKT02	Luật lao động 1
610	1810284	Trần Dư Trâm	Doanh	19/03/2000	DH18LKT02	Luật lao động 1
611	189851	Đoàn Bảo	Duy	01/01/2000	DH18LKT02	Luật lao động 1
612	1810934	Lê Khánh	Mai	19/05/2000	DH18LKT02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
613	178200	Nguyễn Chí	Linh	27/05/1999	DH18LUA01	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)
614	178200	Nguyễn Chí	Linh	27/05/1999	DH18LUA01	Pháp luật về giao dịch bảo đảm
615	180329	Nguyễn Thanh	Thảo	17/02/2000	DH18LUA01	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)
616	178200	Nguyễn Chí	Linh	27/05/1999	DH18LUA01	Luật dân sự 2
617	180279	Lê Cẩm	Tiên	07/04/2000	DH18LUA01	Luật dân sự 2
618	178200	Nguyễn Chí	Linh	27/05/1999	DH18LUA01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
619	180589	Phạm Huỳnh Việt	Huy	21/07/2000	DH18LUA01	Anh văn căn bản 2
620	180623	Nguyễn Quốc	Thái	04/01/2000	DH18LUA01	Anh văn căn bản 2
621	1810143	Phan Nguyễn Gia	Phú	29/05/2000	DH18LUA01	Luật dân sự 2
622	180673	Nguyễn Thụy Thùy	Dung	24/01/2000	DH18LUA01	Anh văn căn bản 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
623	188209	Trần Thanh	Nhân	15/04/2000	DH18LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
624	180910	Huỳnh Chí	Khôn	19/10/2000	DH18LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
625	188209	Trần Thanh	Nhân	15/04/2000	DH18LUA01	Anh văn căn bản 2
626	180412	Trần Minh	Khánh	17/12/2000	DH18LUA01	Anh văn căn bản 2
627	189241	Huỳnh Hữu	Nghi	03/07/2000	DH18LUA02	Pháp luật về giao dịch bảo đảm
628	189732	Trịnh Trúc	Quỳnh	08/05/2000	DH18LUA02	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)
629	1810257	Nguyễn Văn Tuấn	Anh	13/02/2000	DH18LUA02	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)
630	189425	Trần Thị Hồng	Thanh	16/11/2000	DH18LUA02	Luật dân sự 2
631	189732	Trịnh Trúc	Quỳnh	08/05/2000	DH18LUA02	Luật dân sự 2
632	189876	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	20/01/2000	DH18LUA02	Luật dân sự 2
633	1810434	Trần Kiều	My	15/06/2000	DH18LUA02	Luật dân sự 2
634	180112	Nguyễn Quyết	Thắng	22/10/2000	DH18OTO01	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
635	180385	Lê Lý Đăng	Khoa	07/12/2000	DH18OTO01	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
636	180112	Nguyễn Quyết	Thắng	22/10/2000	DH18OTO01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
637	180385	Lê Lý Đăng	Khoa	07/12/2000	DH18OTO01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
638	180112	Nguyễn Quyết	Thắng	22/10/2000	DH18OTO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
639	1810388	Trần Chí	Linh	22/11/1999	DH18OTO01	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
640	180385	Lê Lý Đăng	Khoa	07/12/2000	DH18OTO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
641	1810388	Trần Chí	Linh	22/11/1999	DH18OTO01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
642	1810388	Trần Chí	Linh	22/11/1999	DH18OTO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
643	189742	Nguyễn Nhật	Anh	25/02/1999	DH18OTO01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
644	180460	Nguyễn Hoàng	Khang	25/01/2000	DH18OTO02	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
645	180694	Lê Thanh	Phong	29/02/2000	DH18OTO02	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
646	180694	Lê Thanh	Phong	29/02/2000	DH18OTO02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
647	1810624	Trần Gia	Phát	28/06/2000	DH18OTO02	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
648	180460	Nguyễn Hoàng	Khang	25/01/2000	DH18OTO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
649	180492	Lý Quốc	Duy	01/08/2000	DH18OTO02	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
650	189805	Nguyễn Tiến	Hưng	22/01/2000	DH18OTO02	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
651	180694	Lê Thanh	Phong	29/02/2000	DH18OTO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
652	189574	Vũ Thế	Vinh	19/06/2000	DH18OTO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
653	189805	Nguyễn Tiến	Hưng	22/01/2000	DH18OTO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
654	189805	Nguyễn Tiến	Hưng	22/01/2000	DH18OTO02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
655	180891	Trương Công	Thành	14/06/2000	DH18OTO03	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
656	180891	Trương Công	Thành	14/06/2000	DH18OTO03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
657	180938	Trần Hoàng	Gia	05/09/2000	DH18OTO03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
658	180891	Trương Công	Thành	14/06/2000	DH18OTO03	Anh văn căn bản 2
659	180891	Trương Công	Thành	14/06/2000	DH18OTO03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
660	180938	Trần Hoàng	Gia	05/09/2000	DH18OTO03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
661	188406	Dương Trần	Duy	11/12/2000	DH18OTO04	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
662	188406	Dương Trần	Duy	11/12/2000	DH18OTO04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
663	175650	Dương Quốc	Triệu	07/03/1999	DH18OTO04	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
664	175650	Dương Quốc	Triệu	07/03/1999	DH18OTO04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
665	188609	Thạch Số	Thia	30/06/2000	DH18OTO05	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
666	188651	Nguyễn Hoài	Linh	21/06/2000	DH18OTO05	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
667	1810353	Lâm Quang	Lộc	14/11/2000	DH18OTO05	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
668	188651	Nguyễn Hoài	Linh	21/06/2000	DH18OTO05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
669	188697	Diệp Anh	Hào	07/09/1999	DH18OTO05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
670	188641	Nguyễn Trần Gia	Bảo	12/07/2000	DH18OTO05	Thiết kế và tính toán động cơ đốt trong
671	188641	Nguyễn Trần Gia	Bảo	12/07/2000	DH18OTO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
672	189373	Lâm Vĩnh	Hào	28/10/2000	DH18OTO05	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
673	188641	Nguyễn Trần Gia	Bảo	12/07/2000	DH18OTO05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
674	188877	Phan Thanh	Nhã	03/03/2000	DH18OTO06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
675	188913	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	06/01/1998	DH18OTO06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
676	1810392	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	01/10/2000	DH18QLD01	Thống kê và chính lý biến động đất đai
677	1810392	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	01/10/2000	DH18QLD01	Hệ sinh thái đất ngập nước
678	176760	Ngô Hải	Đăng	07/09/1999	DH18QLT01	Thống kê phép thí nghiệm môi trường
679	178194	Nguyễn Nhật	Linh	02/12/1999	DH18QLT01	Sinh thái môi trường và sự biến đổi khí hậu

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
680	178194	Nguyễn Nhật	Linh	02/12/1999	DH18QLT01	Chất lượng nước
681	176760	Ngô Hải	Đảng	07/09/1999	DH18QLT01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
682	178194	Nguyễn Nhật	Linh	02/12/1999	DH18QLT01	Thống kê phép thí nghiệm môi trường
683	188389	Thái Trương Nhật	Quang	19/11/2000	DH18QLT01	Chất lượng nước
684	189492	Huỳnh Thanh	Tân	28/02/2000	DH18QLT01	Thống kê phép thí nghiệm môi trường
685	188389	Thái Trương Nhật	Quang	19/11/2000	DH18QLT01	Thống kê phép thí nghiệm môi trường
686	178194	Nguyễn Nhật	Linh	02/12/1999	DH18QLT01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
687	189492	Huỳnh Thanh	Tân	28/02/2000	DH18QLT01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
688	188389	Thái Trương Nhật	Quang	19/11/2000	DH18QLT01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
689	180215	Nguyễn Kiều	Duyên	10/04/2000	DH18QTD01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
690	1810747	Tăng Kim	Tuyết	10/12/2000	DH18QTD01	Marketing căn bản
691	180107	Nguyễn Minh	Khuê	08/02/2000	DH18QTD01	Marketing căn bản
692	180736	Trần Thị Thanh	Thúy	03/02/2000	DH18QTD01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
693	188648	Châu Đình	Phương	21/08/1999	DH18QTD02	Luật du lịch Việt Nam
694	189810	Lê Thanh Thuật	Dung	26/02/2000	DH18QTD02	Luật du lịch Việt Nam
695	188648	Châu Đình	Phương	21/08/1999	DH18QTD02	Marketing căn bản
696	1810120	Đỗ Anh	Khoa	12/09/2000	DH18QTD02	Luật du lịch Việt Nam
697	1810354	Nguyễn Hồng	Thía	15/04/2000	DH18QTD02	Luật du lịch Việt Nam
698	189810	Lê Thanh Thuật	Dung	26/02/2000	DH18QTD02	Marketing căn bản
699	1810354	Nguyễn Hồng	Thía	15/04/2000	DH18QTD02	Marketing căn bản
700	188648	Châu Đình	Phương	21/08/1999	DH18QTD02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
701	189810	Lê Thanh Thuật	Dung	26/02/2000	DH18QTD02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
702	1810052	Lê Công	Hậu	09/12/2000	DH18QTD02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
703	1810120	Đỗ Anh	Khoa	12/09/2000	DH18QTD02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
704	1810354	Nguyễn Hồng	Thía	15/04/2000	DH18QTD02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
705	189497	Lê Thị Kim	Anh	14/09/2000	DH18QTD03	Luật du lịch Việt Nam
706	189941	Nguyễn Hữu	Nhân	19/04/2000	DH18QTD03	Luật du lịch Việt Nam
707	189497	Lê Thị Kim	Anh	14/09/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
708	1810189	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	16/11/2000	DH18QTD03	Luật du lịch Việt Nam
709	1810643	Trần Nguyễn Minh	Tuấn	02/06/2000	DH18QTD03	Luật du lịch Việt Nam
710	189941	Nguyễn Hữu	Nhân	19/04/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
711	189184	Nguyễn Thị Hồng	Gám	17/11/2000	DH18QTD03	Luật du lịch Việt Nam
712	1810189	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	16/11/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
713	1810315	Trần Tiến	Đạt	29/07/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
714	1810643	Trần Nguyễn Minh	Tuấn	02/06/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
715	189184	Nguyễn Thị Hồng	Gám	17/11/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
716	1810343	Nguyễn Chí	Bảo	17/10/2000	DH18QTD03	Marketing căn bản
717	189497	Lê Thị Kim	Anh	14/09/2000	DH18QTD03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
718	189941	Nguyễn Hữu	Nhân	19/04/2000	DH18QTD03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
719	1810189	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	16/11/2000	DH18QTD03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
720	1810643	Trần Nguyễn Minh	Tuấn	02/06/2000	DH18QTD03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
721	189184	Nguyễn Thị Hồng	Gám	17/11/2000	DH18QTD03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
722	180220	Huỳnh Minh	Đạt	18/03/2000	DH18QTK01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
723	180220	Huỳnh Minh	Đạt	18/03/2000	DH18QTK01	Hành vi tổ chức
724	180271	Huỳnh Thị Bích	Trâm	13/09/2000	DH18QTK01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
725	180271	Huỳnh Thị Bích	Trâm	13/09/2000	DH18QTK01	Hành vi tổ chức
726	180500	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/11/2000	DH18QTK01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
727	180500	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/11/2000	DH18QTK01	Hành vi tổ chức
728	180220	Huỳnh Minh	Đạt	18/03/2000	DH18QTK01	Kinh tế lượng
729	180220	Huỳnh Minh	Đạt	18/03/2000	DH18QTK01	Nghiên cứu Marketing
730	180271	Huỳnh Thị Bích	Trâm	13/09/2000	DH18QTK01	Kinh tế lượng
731	180271	Huỳnh Thị Bích	Trâm	13/09/2000	DH18QTK01	Nghiên cứu Marketing
732	180220	Huỳnh Minh	Đạt	18/03/2000	DH18QTK01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
733	180500	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/11/2000	DH18QTK01	Kinh tế lượng
734	180500	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/11/2000	DH18QTK01	Nghiên cứu Marketing
735	180271	Huỳnh Thị Bích	Trâm	13/09/2000	DH18QTK01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
736	180500	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/11/2000	DH18QTK01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
737	189530	Nông Thị Ngọc	Duy	13/02/2000	DH18QTK01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
738	189530	Nông Thị Ngọc	Duy	13/02/2000	DH18QTK01	Hành vi tổ chức
739	180372	Nguyễn Nhật	Trường	21/07/2000	DH18QTK01	Hành vi tổ chức
740	180372	Nguyễn Nhật	Trường	21/07/2000	DH18QTK01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
741	189530	Nông Thị Ngọc	Duy	13/02/2000	DH18QTK01	Nghiên cứu Marketing
742	180372	Nguyễn Nhật	Trường	21/07/2000	DH18QTK01	Nghiên cứu Marketing
743	189530	Nông Thị Ngọc	Duy	13/02/2000	DH18QTK01	Kinh tế lượng
744	189530	Nông Thị Ngọc	Duy	13/02/2000	DH18QTK01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
745	180372	Nguyễn Nhật	Trường	21/07/2000	DH18QTK01	Kinh tế lượng
746	180372	Nguyễn Nhật	Trường	21/07/2000	DH18QTK01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
747	167328	Võ Quốc	Thịnh	11/04/1994	DH18QTK02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
748	167328	Võ Quốc	Thịnh	11/04/1994	DH18QTK02	Hành vi tổ chức
749	180771	Huỳnh Phương	Duy	14/02/2000	DH18QTK02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
750	167328	Võ Quốc	Thịnh	11/04/1994	DH18QTK02	Kinh tế lượng
751	167328	Võ Quốc	Thịnh	11/04/1994	DH18QTK02	Nghiên cứu Marketing
752	180771	Huỳnh Phương	Duy	14/02/2000	DH18QTK02	Hành vi tổ chức
753	167328	Võ Quốc	Thịnh	11/04/1994	DH18QTK02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
754	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Oanh	14/05/2000	DH18QTK02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
755	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Oanh	14/05/2000	DH18QTK02	Hành vi tổ chức
756	180902	Nguyễn Trí	Thiện	26/08/2000	DH18QTK02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
757	180902	Nguyễn Trí	Thiện	26/08/2000	DH18QTK02	Hành vi tổ chức
758	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Oanh	14/05/2000	DH18QTK02	Kinh tế lượng
759	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Oanh	14/05/2000	DH18QTK02	Nghiên cứu Marketing
760	180902	Nguyễn Trí	Thiện	26/08/2000	DH18QTK02	Kinh tế lượng
761	180902	Nguyễn Trí	Thiện	26/08/2000	DH18QTK02	Nghiên cứu Marketing
762	189240	Kha Thanh	Quý	18/10/1999	DH18QTK02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
763	189240	Kha Thanh	Quý	18/10/1999	DH18QTK02	Hành vi tổ chức
764	189447	Nguyễn Minh	Luân	12/08/2000	DH18QTK02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
765	189447	Nguyễn Minh	Luân	12/08/2000	DH18QTK02	Hành vi tổ chức
766	180897	Nguyễn Huỳnh Hoàng	Oanh	14/05/2000	DH18QTK02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
767	189240	Kha Thanh	Quý	18/10/1999	DH18QTK02	Nghiên cứu Marketing
768	180902	Nguyễn Trí	Thiện	26/08/2000	DH18QTK02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
769	189447	Nguyễn Minh	Luân	12/08/2000	DH18QTK02	Nghiên cứu Marketing
770	189240	Kha Thanh	Quý	18/10/1999	DH18QTK02	Kinh tế lượng
771	189447	Nguyễn Minh	Luân	12/08/2000	DH18QTK02	Kinh tế lượng
772	189240	Kha Thanh	Quý	18/10/1999	DH18QTK02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
773	189447	Nguyễn Minh	Luân	12/08/2000	DH18QTK02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
774	176625	Trần Nhân	Hậu	11/11/1999	DH18QTK03	Kinh tế lượng
775	176625	Trần Nhân	Hậu	11/11/1999	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
776	178327	Thái Thiện	Nhân	26/10/1999	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
777	188263	Bùi Phạm Lan	Anh	14/12/2000	DH18QTK03	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
778	188263	Bùi Phạm Lan	Anh	14/12/2000	DH18QTK03	Hành vi tổ chức
779	188522	Hồ Thị Minh	Thư	15/03/2000	DH18QTK03	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
780	188522	Hồ Thị Minh	Thư	15/03/2000	DH18QTK03	Hành vi tổ chức
781	188539	Thái Thành	Đức	10/07/2000	DH18QTK03	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
782	188539	Thái Thành	Đức	10/07/2000	DH18QTK03	Hành vi tổ chức
783	188263	Bùi Phạm Lan	Anh	14/12/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
784	188263	Bùi Phạm Lan	Anh	14/12/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
785	188522	Hồ Thị Minh	Thư	15/03/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
786	188526	Trần Ngọc	Trình	27/08/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
787	188522	Hồ Thị Minh	Thư	15/03/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
788	188539	Thái Thành	Đức	10/07/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
789	188526	Trần Ngọc	Trình	27/08/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
790	188539	Thái Thành	Đức	10/07/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
791	1810850	Lê Huỳnh	Đức	07/02/2000	DH18QTK03	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
792	189977	Trần Quang	Vinh	02/11/2000	DH18QTK03	Hành vi tổ chức
793	189977	Trần Quang	Vinh	02/11/2000	DH18QTK03	Lý thuyết tài chính-tiền tệ

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
794	1810360	Trần Minh	Trung	07/09/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
795	188263	Bùi Phạm Lan	Anh	14/12/2000	DH18QTK03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
796	189865	Phan Nguyễn Anh	Thư	28/11/2000	DH18QTK03	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
797	1810439	Dương Hoàng	Khang	01/11/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
798	1810850	Lê Huỳnh	Đức	07/02/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
799	188522	Hồ Thị Minh	Thư	15/03/2000	DH18QTK03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
800	189977	Trần Quang	Vinh	02/11/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
801	188539	Thái Thành	Đức	10/07/2000	DH18QTK03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
802	188352	Trần Phúc	Như	07/05/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
803	189943	Nguyễn Tiến	Minh	13/06/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
804	188661	Chung Thái	Bình	19/06/2000	DH18QTK03	Nghiên cứu Marketing
805	1810850	Lê Huỳnh	Đức	07/02/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
806	189977	Trần Quang	Vinh	02/11/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
807	1810404	Nguyễn Văn	Hoàng	26/11/2000	DH18QTK03	Kinh tế lượng
808	189977	Trần Quang	Vinh	02/11/2000	DH18QTK03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
809	175781	Nguyễn Nhựt	Bằng	25/10/1999	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
810	177876	Danh Hữu	Thịnh	21/12/1999	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
811	175772	Hồ Phương	Nam	26/03/1999	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
812	177876	Danh Hữu	Thịnh	21/12/1999	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
813	175781	Nguyễn Nhựt	Bằng	25/10/1999	DH18QTK04	Kinh tế lượng
814	175781	Nguyễn Nhựt	Bằng	25/10/1999	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
815	177876	Danh Hữu	Thịnh	21/12/1999	DH18QTK04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
816	177876	Danh Hữu	Thịnh	21/12/1999	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
817	177876	Danh Hữu	Thịnh	21/12/1999	DH18QTK04	Kinh tế lượng
818	178193	Võ Thúy	Vy	29/12/1999	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
819	188926	Trần Nguyễn Uyển	Nhi	18/10/2000	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
820	188926	Trần Nguyễn Uyển	Nhi	18/10/2000	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
821	188983	Lê Phương	Bình	12/11/1999	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
822	188983	Lê Phương	Bình	12/11/1999	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
823	189176	Lương Hoàng Trúc	Linh	15/02/2000	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
824	189176	Lương Hoàng Trúc	Linh	15/02/2000	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
825	188926	Trần Nguyễn Uyển	Nhi	18/10/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
826	1810389	Trần Ngọc	Quyên	19/07/2000	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
827	188983	Lê Phương	Bình	12/11/1999	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
828	1810389	Trần Ngọc	Quyên	19/07/2000	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
829	188886	Trần Ngọc Thanh	Ngân	25/02/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
830	189033	Phạm Thảo	Ngân	01/01/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
831	188926	Trần Nguyễn Uyển	Nhi	18/10/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
832	189176	Lương Hoàng Trúc	Linh	15/02/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
833	177317	Nguyễn Hồ	Phi	05/06/1999	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
834	188983	Lê Phương	Bình	12/11/1999	DH18QTK04	Kinh tế lượng
835	188335	Nguyễn Anh	Tú	06/05/2000	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
836	189032	La Thị Ngọc	Cầm	08/03/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
837	189204	Trần Thị Thảo	Ngân	08/04/2000	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
838	188335	Nguyễn Anh	Tú	06/05/2000	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
839	189176	Lương Hoàng Trúc	Linh	15/02/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
840	1810467	Lý Cầm	Mộng	23/08/2000	DH18QTK04	Hành vi tổ chức
841	1810389	Trần Ngọc	Quyên	19/07/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
842	1810467	Lý Cầm	Mộng	23/08/2000	DH18QTK04	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
843	177317	Nguyễn Hồ	Phi	05/06/1999	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
844	188335	Nguyễn Anh	Tú	06/05/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
845	188926	Trần Nguyễn Uyển	Nhi	18/10/2000	DH18QTK04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
846	188750	Đỗ Hữu	Nghĩa	14/09/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
847	189176	Lương Hoàng Trúc	Linh	15/02/2000	DH18QTK04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
848	189012	Dương Hải	Ấu	09/02/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
849	1810389	Trần Ngọc	Quyên	19/07/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
850	189204	Trần Thị Thảo	Ngân	08/04/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
851	1810459	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	20/08/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
852	1810467	Lý Cẩm	Mộng	23/08/2000	DH18QTK04	Nghiên cứu Marketing
853	177317	Nguyễn Hồ	Phi	05/06/1999	DH18QTK04	Kinh tế lượng
854	188335	Nguyễn Anh	Tú	06/05/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
855	188750	Đỗ Hữu	Nghĩa	14/09/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
856	189204	Trần Thị Thảo	Ngân	08/04/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
857	1810467	Lý Cẩm	Mộng	23/08/2000	DH18QTK04	Kinh tế lượng
858	1810389	Trần Ngọc	Quyên	19/07/2000	DH18QTK04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
859	188335	Nguyễn Anh	Tú	06/05/2000	DH18QTK04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
860	1810467	Lý Cẩm	Mộng	23/08/2000	DH18QTK04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
861	176947	Bùi Hải	Đảng	18/06/1996	DH18TCN01	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)
862	176947	Bùi Hải	Đảng	18/06/1996	DH18TCN01	Kế toán tài chính
863	176947	Bùi Hải	Đảng	18/06/1996	DH18TCN01	Marketing căn bản
864	1810241	Thạch Hoàng Minh	Tú	30/10/2000	DH18TCN01	Anh văn chuyên ngành 1 (TCNH)
865	180236	Lê Lý	Đảng	29/06/1999	DH18TCN01	Kế toán tài chính
866	176947	Bùi Hải	Đảng	18/06/1996	DH18TCN01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
867	180301	Nguyễn Tuyết	Nhi	11/06/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
868	180427	Đặng Thị Như	Ý	02/07/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
869	180572	Văn Tuấn	Tân	20/02/1998	DH18TCN01	Kế toán tài chính
870	180679	Phạm Hồ	Trung	16/04/1999	DH18TCN01	Kế toán tài chính
871	180735	Dương Lam	Trường	02/08/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
872	180825	Lại Hoàng Vĩnh	Hảo	08/10/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
873	188119	Huỳnh Đăng	Khoa	14/10/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
874	188359	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	10/11/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
875	1810241	Thạch Hoàng Minh	Tú	30/10/2000	DH18TCN01	Marketing căn bản
876	188861	Ngô Đình	Nghĩa	27/12/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
877	188914	Nguyễn Minh	Tiến	02/04/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
878	188990	Phạm Công	Cường	08/10/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
879	189093	Dương Văn	Tiến	29/09/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
880	1810073	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	30/01/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
881	1810215	Trần Cẩm	My	30/06/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
882	1810241	Thạch Hoàng Minh	Tú	30/10/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
883	1810936	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	19/06/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
884	180213	Nguyễn Quốc Quang	Huy	25/01/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
885	180333	Lê Thị Ngọc	Trâm	10/04/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
886	180458	Phạm Thành	Nhã	09/08/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
887	180893	Nguyễn Ngọc Phương	Tuyền	21/10/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
888	188581	Nguyễn Thị Thủy	Tiến	24/11/2000	DH18TCN01	Kế toán tài chính
889	1810241	Thạch Hoàng Minh	Tú	30/10/2000	DH18TCN01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
890	180237	Nguyễn Nhật	Nam	22/08/2000	DH18TIN01	Kiến trúc máy tính
891	180445	Phạm Thanh	Bình	02/08/2000	DH18TIN01	Toán rời rạc 2
892	180445	Phạm Thanh	Bình	02/08/2000	DH18TIN01	Nguyên lý hệ điều hành
893	180474	Võ Trung	Hiếu	01/12/2000	DH18TIN01	Kiến trúc máy tính
894	180485	Trần Nhựt	Phi	28/08/2000	DH18TIN01	Nguyên lý hệ điều hành
895	180485	Trần Nhựt	Phi	28/08/2000	DH18TIN01	Kiến trúc máy tính
896	180237	Nguyễn Nhật	Nam	22/08/2000	DH18TIN01	Lập trình hướng đối tượng
897	180560	Trần Minh	Quân	17/01/2000	DH18TIN01	Kiến trúc máy tính
898	180485	Trần Nhựt	Phi	28/08/2000	DH18TIN01	Lập trình hướng đối tượng
899	180485	Trần Nhựt	Phi	28/08/2000	DH18TIN01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
900	188331	Trần Quốc	Tín	15/01/2000	DH18TIN02	Nguyên lý hệ điều hành
901	188331	Trần Quốc	Tín	15/01/2000	DH18TIN02	Kiến trúc máy tính
902	180837	Nguyễn Nhật	Linh	25/09/2000	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng
903	188331	Trần Quốc	Tín	15/01/2000	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng
904	188445	Huỳnh Tấn	Lộc	02/02/2000	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng
905	188471	Nguyễn Văn	Thuận	16/10/1998	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng
906	176266	Võ Hoàng	Lâm	23/11/1999	DH18TIN02	Nguyên lý hệ điều hành
907	1810261	Nguyễn Phạm Hữu	Nhân	20/07/2000	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
908	188441	Trần Hữu	Lộc	25/05/2000	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng
909	176266	Võ Hoàng	Lâm	23/11/1999	DH18TIN02	Lập trình hướng đối tượng
910	188331	Trần Quốc	Tín	15/01/2000	DH18TIN02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
911	176266	Võ Hoàng	Lâm	23/11/1999	DH18TIN02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
912	188140	Nguyễn Văn	An	01/02/2000	DH18TIN02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
913	176053	Phan Đông	Quân	03/09/1999	DH18TIN03	Nguyên lý hệ điều hành
914	176053	Phan Đông	Quân	03/09/1999	DH18TIN03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
915	176053	Phan Đông	Quân	03/09/1999	DH18TIN03	Lập trình hướng đối tượng
916	188537	Trần Hữu	Duy	21/11/2000	DH18TIN03	Nguyên lý hệ điều hành
917	188790	Dương Minh	Chuẩn	29/09/2000	DH18TIN03	Nguyên lý hệ điều hành
918	188537	Trần Hữu	Duy	21/11/2000	DH18TIN03	Kiến trúc máy tính
919	188817	Đặng Trung	Hồ	11/03/2000	DH18TIN03	Nguyên lý hệ điều hành
920	189109	Phan Văn	Thịnh	20/09/2000	DH18TIN03	Kiến trúc máy tính
921	189016	Lê Chí	Hào	23/09/1999	DH18TIN03	Nguyên lý hệ điều hành
922	189109	Phan Văn	Thịnh	20/09/2000	DH18TIN03	Nguyên lý hệ điều hành
923	188537	Trần Hữu	Duy	21/11/2000	DH18TIN03	Lập trình hướng đối tượng
924	189109	Phan Văn	Thịnh	20/09/2000	DH18TIN03	Lập trình hướng đối tượng
925	188537	Trần Hữu	Duy	21/11/2000	DH18TIN03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
926	189109	Phan Văn	Thịnh	20/09/2000	DH18TIN03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
927	189337	Hồng Vĩnh	Duy	22/07/2000	DH18TIN04	Kiến trúc máy tính
928	189549	Lê Hoàng	Lam	24/09/2000	DH18TIN04	Kiến trúc máy tính
929	189549	Lê Hoàng	Lam	24/09/2000	DH18TIN04	Nguyên lý hệ điều hành
930	189893	Đỗ Thanh	Trọng	11/01/2000	DH18TIN04	Kiến trúc máy tính
931	189893	Đỗ Thanh	Trọng	11/01/2000	DH18TIN04	Nguyên lý hệ điều hành
932	1810347	Huỳnh Mạnh	Phi	04/01/2000	DH18TIN04	Kiến trúc máy tính
933	189220	Nguyễn Văn	Tồn	21/05/1999	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
934	1810347	Huỳnh Mạnh	Phi	04/01/2000	DH18TIN04	Nguyên lý hệ điều hành
935	189628	Bành Gia	Khang	15/05/2000	DH18TIN04	Kiến trúc máy tính
936	189337	Hồng Vĩnh	Duy	22/07/2000	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
937	1810858	Nguyễn Thái	Sang	06/01/1995	DH18TIN04	Nguyên lý hệ điều hành
938	189549	Lê Hoàng	Lam	24/09/2000	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
939	189628	Bành Gia	Khang	15/05/2000	DH18TIN04	Nguyên lý hệ điều hành
940	189893	Đỗ Thanh	Trọng	11/01/2000	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
941	1810347	Huỳnh Mạnh	Phi	04/01/2000	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
942	189628	Bành Gia	Khang	15/05/2000	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
943	1810652	Nguyễn Thanh	Nhân	09/07/2000	DH18TIN04	Lập trình hướng đối tượng
944	189893	Đỗ Thanh	Trọng	11/01/2000	DH18TIN04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
945	189628	Bành Gia	Khang	15/05/2000	DH18TIN04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
946	165938	Dương Hồ	Phúc	29/06/1998	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
947	166862	Trương Phi	Long	16/07/1997	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
948	176459	Hồ Quang	Nhật	12/05/1999	DH18XDU01	Tư tưởng Hồ Chí Minh
949	180209	Huỳnh Phan Đức	Huy	15/12/2000	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
950	180832	Thạch Ngọc	Trọng	12/09/2000	DH18XDU01	Tư tưởng Hồ Chí Minh
951	180573	Lê Hoàng	Việt	22/08/2000	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
952	188813	Tô Trần Quang	Linh	16/10/2000	DH18XDU01	Tư tưởng Hồ Chí Minh
953	180832	Thạch Ngọc	Trọng	12/09/2000	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
954	188837	Lê Quốc	Phong	16/03/2000	DH18XDU01	Tư tưởng Hồ Chí Minh
955	176459	Hồ Quang	Nhật	12/05/1999	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
956	188726	Nguyễn Nhật	Cường	21/02/2000	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
957	188837	Lê Quốc	Phong	16/03/2000	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
958	180209	Huỳnh Phan Đức	Huy	15/12/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
959	1810607	Nguyễn Thành	Lộc	15/08/1999	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
960	180573	Lê Hoàng	Việt	22/08/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
961	188789	Lương Minh	Tính	11/05/2000	DH18XDU01	Kết cấu Bê tông cốt thép 1 (câu kiện cơ bản)
962	180590	Lương Thành	Đạt	24/01/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
963	180832	Thạch Ngọc	Trọng	12/09/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
964	188125	Phạm Trường	Giang	06/11/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
965	188347	Phan Anh	Duy	09/06/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
966	188520	Nguyễn Quốc	Toàn	09/03/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
967	188802	Lê Tấn	Phát	04/02/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
968	188813	Tô Trần Quang	Linh	16/10/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
969	188837	Lê Quốc	Phong	16/03/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
970	189829	Ngô Duy	Linh	24/09/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
971	1810607	Nguyễn Thành	Lộc	15/08/1999	DH18XDU01	Tư tưởng Hồ Chí Minh
972	1810103	Phan Duy	Khánh	04/11/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
973	1810200	Trịnh Gia	Bảo	20/06/1996	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
974	1810239	Nguyễn Văn Quốc	Trung	16/03/1999	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
975	1810268	Trương Bảo	Toàn	26/08/1999	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
976	1810287	Quách Hoàng	Phát	02/04/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
977	189605	Đặng Văn	Khang	25/11/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
978	1810607	Nguyễn Thành	Lộc	15/08/1999	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
979	188789	Lương Minh	Tính	11/05/2000	DH18XDU01	Cơ học kết cấu 2 (siêu tĩnh)
980	177744	Trần Thị Như	Huỳnh	22/04/1996	DH18XET01	Dược lý
981	180290	Nguyễn Minh	Nhật	11/04/2000	DH18XET01	Anh văn chuyên ngành (Xét nghiệm)
982	188230	Trần Trà	Mi	25/11/2000	DH18XET02	Anh văn chuyên ngành (Xét nghiệm)
983	188230	Trần Trà	Mi	25/11/2000	DH18XET02	Bệnh học ngoại khoa
984	188654	Lê Trung	Can	16/03/1999	DH18XET02	Mô phôi học
985	188654	Lê Trung	Can	16/03/1999	DH18XET02	Ví sinh 1
986	188230	Trần Trà	Mi	25/11/2000	DH18XET02	Dược lý
987	188654	Lê Trung	Can	16/03/1999	DH18XET02	Anh văn chuyên ngành (Xét nghiệm)
988	188654	Lê Trung	Can	16/03/1999	DH18XET02	Bệnh học ngoại khoa
989	188708	Lê Thị Kim	Hồng	16/04/2000	DH18XET02	Mô phôi học
990	188947	Lê Trần Công	Sơn	11/01/2000	DH18XET02	Ví sinh 1
991	188550	Dương Tấn	Phát	21/10/2000	DH18XET02	Dược lý
992	188947	Lê Trần Công	Sơn	11/01/2000	DH18XET02	Anh văn chuyên ngành (Xét nghiệm)
993	188947	Lê Trần Công	Sơn	11/01/2000	DH18XET02	Bệnh học ngoại khoa
994	188947	Lê Trần Công	Sơn	11/01/2000	DH18XET02	Mô phôi học
995	188654	Lê Trung	Can	16/03/1999	DH18XET02	Dược lý
996	189314	Nguyễn Thành	Luân	11/03/2000	DH18XET02	Mô phôi học
997	188947	Lê Trần Công	Sơn	11/01/2000	DH18XET02	Dược lý
998	189633	Huỳnh Thị Anh	Thư	30/04/2000	DH18XET03	Bệnh học ngoại khoa
999	1810701	Quách Diễm	Phương	16/11/1995	DH18XET03	Dược lý
1000	1810266	Lê Thị Diệu	Hiền	23/10/2000	DH18XET03	Dược lý
1001	189421	Nguyễn Thành	Danh	31/01/1998	DH18YKH01	Ví sinh
1002	189301	Kiều Thị Ngọc	Mai	29/08/2000	DH18YKH02	Truyền thông và giáo dục sức khỏe
1003	189301	Kiều Thị Ngọc	Mai	29/08/2000	DH18YKH02	Anh văn chuyên ngành (y khoa)
1004	189301	Kiều Thị Ngọc	Mai	29/08/2000	DH18YKH02	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
1005	189301	Kiều Thị Ngọc	Mai	29/08/2000	DH18YKH02	Tâm lý và đạo đức y học
1006	189301	Kiều Thị Ngọc	Mai	29/08/2000	DH18YKH02	Ví sinh
1007	189301	Kiều Thị Ngọc	Mai	29/08/2000	DH18YKH02	Hóa sinh
1008	189564	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	01/01/2000	DH18YKH02	Truyền thông và giáo dục sức khỏe
1009	189564	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	01/01/2000	DH18YKH02	Anh văn chuyên ngành (y khoa)
1010	189564	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	01/01/2000	DH18YKH02	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
1011	189564	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	01/01/2000	DH18YKH02	Tâm lý và đạo đức y học
1012	189564	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	01/01/2000	DH18YKH02	Hóa sinh
1013	189710	Nguyễn Trường	Giang	12/05/1999	DH18YKH02	Truyền thông và giáo dục sức khỏe
1014	189564	Nguyễn Đoàn Quang	Nhật	01/01/2000	DH18YKH02	Ví sinh
1015	189763	Lê Quang	Đại	30/09/1998	DH18YKH02	Ví sinh
1016	1810522	Đặng Thị Thu	Sương	08/08/1992	DH18YKH02	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
1017	1810525	Nguyễn Hồ Minh	Nhật	30/09/2000	DH18YKH02	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
1018	189691	Nguyễn Diệp Quốc	Khánh	16/02/2000	DH18YKH02	Ví sinh
1019	1810528	Lê Thị Thu	Hiền	02/03/1987	DH18YKH03	Anh văn chuyên ngành (y khoa)
1020	189905	Lương Nguyễn Hoài	Nam	01/04/2000	DH18YKH03	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
1021	1810528	Lê Thị Thu	Hiền	02/03/1987	DH18YKH03	Tâm lý và đạo đức y học

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1022	1810032	Lý Văn	Triệu	20/04/1996	DH18YKH03	Hóa sinh
1023	1810528	Lê Thị Thu	Hiền	02/03/1987	DH18YKH03	Truyền thông và giáo dục sức khỏe
1024	1810032	Lý Văn	Triệu	20/04/1996	DH18YKH03	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
1025	1810528	Lê Thị Thu	Hiền	02/03/1987	DH18YKH03	Hóa sinh
1026	189949	Đặng Thị Thúy	Quỳnh	02/09/1989	DH18YKH03	Ví sinh
1027	1810032	Lý Văn	Triệu	20/04/1996	DH18YKH03	Ví sinh
1028	1810528	Lê Thị Thu	Hiền	02/03/1987	DH18YKH03	Ví sinh
1029	189262	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	10/09/1989	DH18YKH04	Tâm lý và đạo đức y học
1030	189262	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	10/09/1989	DH18YKH04	Ví sinh
1031	189262	Nguyễn Thị Cẩm	Duyên	10/09/1989	DH18YKH04	Hóa sinh
1032	199898	Lê Đức	Anh	01/01/2001	DH19CKD01	Dung sai-Kỹ thuật đo
1033	192129	Nguyễn Tiến	Đạt	02/12/2000	DH19CKD01	Dung sai-Kỹ thuật đo
1034	191069	Phạm Trường	Long	04/01/2001	DH19CKD01	Kinh tế chính trị
1035	191069	Phạm Trường	Long	04/01/2001	DH19CKD01	Cơ học lý thuyết
1036	199898	Lê Đức	Anh	01/01/2001	DH19CKD01	Kinh tế chính trị
1037	192129	Nguyễn Tiến	Đạt	02/12/2000	DH19CKD01	Kinh tế chính trị
1038	199647	Lê Nguyễn Đức	Duy	13/11/2001	DH19CKD01	Cơ học lý thuyết
1039	199856	Nguyễn Vĩnh	Nghi	09/10/2001	DH19CKD01	Cơ học lý thuyết
1040	199898	Lê Đức	Anh	01/01/2001	DH19CKD01	Cơ học lý thuyết
1041	192129	Nguyễn Tiến	Đạt	02/12/2000	DH19CKD01	Cơ học lý thuyết
1042	199898	Lê Đức	Anh	01/01/2001	DH19CKD01	Anh văn căn bản 2
1043	190020	Lê Hoàng	My	16/02/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1044	190162	Trần Huỳnh	Như	31/08/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1045	190200	Võ Huỳnh Kim	Duyên	15/09/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1046	190020	Lê Hoàng	My	16/02/2001	DH19CNT01	Anh văn căn bản 2
1047	190050	Trần Ngọc	Thạch	12/06/2001	DH19CNT01	Anh văn căn bản 2
1048	190867	Huỳnh Tấn	Lộc	02/03/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1049	190162	Trần Huỳnh	Như	31/08/2001	DH19CNT01	Anh văn căn bản 2
1050	191664	Trần Khánh	Thường	21/03/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1051	191716	Trần Nguyễn Kim	Khánh	02/09/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1052	191097	Trần Như	Ý	29/09/2000	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1053	191509	Thạch Thị Chanh	Ty	24/12/2001	DH19CNT01	Kinh tế chính trị
1054	191509	Thạch Thị Chanh	Ty	24/12/2001	DH19CNT01	Anh văn căn bản 2
1055	190942	Nguyễn Trọng	Trí	05/07/2001	DH19CNT01	Anh văn căn bản 2
1056	190262	Giang Hoàng	Thái	25/05/2001	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1057	190262	Giang Hoàng	Thái	25/05/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1058	191862	Nguyễn Thiện	Tín	06/02/2001	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1059	199727	Lê Quang	Hưng	03/10/1999	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1060	199828	Lưu Thị Anh	Thư	28/11/2001	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1061	191841	Nguyễn Chúc	Linh	11/01/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1062	191862	Nguyễn Thiện	Tín	06/02/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1063	191996	Chung Cẩm	Tiến	14/08/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1064	180452	Tổng Thái	Bảo	15/09/2000	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1065	198974	Lê Thị Quỳnh	Như	24/03/2001	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1066	199989	Nguyễn Đoàn Thị Thanh	Hoa	03/07/2000	DH19CNT02	Kinh tế chính trị
1067	199640	Hồ Võ Kim	Trân	19/04/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1068	199727	Lê Quang	Hưng	03/10/1999	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1069	199828	Lưu Thị Anh	Thư	28/11/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1070	199895	Trương Anh	Thuận	22/10/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1071	180452	Tổng Thái	Bảo	15/09/2000	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1072	198974	Lê Thị Quỳnh	Như	24/03/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1073	199783	Trầm Kha	Minh	13/08/2001	DH19CNT02	Anh văn căn bản 2
1074	190158	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	01/01/2001	DH19DUO01	Anh văn căn bản 2
1075	1810356	Đinh Nguyễn Trọng	Tín	06/04/2000	DH19DUO02	Kinh tế chính trị
1076	1810356	Đinh Nguyễn Trọng	Tín	06/04/2000	DH19DUO02	Anh văn căn bản 2
1077	1910012	Huỳnh Ngọc Diễm	Hương	19/09/1992	DH19DUO02	Kinh tế chính trị
1078	1910022	Nguyễn Cao Anh	Quân	09/09/1998	DH19DUO02	Kinh tế chính trị

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1079	1910012	Huỳnh Ngọc Diễm	Hương	19/09/1992	DH19DUO02	Anh văn căn bản 2
1080	1810785	Ngô Tú	Quỳnh	22/01/2000	DH19DUO02	Sinh lý
1081	1810785	Ngô Tú	Quỳnh	22/01/2000	DH19DUO02	Anh văn chuyên ngành (Dược)
1082	1810785	Ngô Tú	Quỳnh	22/01/2000	DH19DUO02	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
1083	1810785	Ngô Tú	Quỳnh	22/01/2000	DH19DUO02	Hóa phân tích 1
1084	192345	Đỗ Minh	Khang	20/05/2000	DH19HAY01	Hóa sinh
1085	191251	Trần Gia	Thái	03/07/2001	DH19HAY01	Hóa sinh
1086	199249	Võ Hoàng	Vĩnh	05/08/2001	DH19HAY01	Kinh tế chính trị
1087	192345	Đỗ Minh	Khang	20/05/2000	DH19HAY01	Anh văn căn bản 2
1088	191512	Nguyễn Diệp Tuệ	Tiên	29/09/2001	DH19HAY01	Anh văn căn bản 2
1089	199249	Võ Hoàng	Vĩnh	05/08/2001	DH19HAY01	Anh văn căn bản 2
1090	190211	Võ Thị Cẩm	Tiên	24/04/2001	DH19KTO01	Kinh tế chính trị
1091	191638	Hà Kim	Thi	28/03/2001	DH19KTO01	Anh văn căn bản 3
1092	191638	Hà Kim	Thi	28/03/2001	DH19KTO01	Kinh tế vi mô
1093	199390	Nguyễn Ngọc	Huyền	08/03/2000	DH19KTO01	Kinh tế vi mô
1094	199390	Nguyễn Ngọc	Huyền	08/03/2000	DH19KTO01	Anh văn căn bản 3
1095	199544	Ngô Quyền	Nhi	01/01/2001	DH19KTO01	Kinh tế vi mô
1096	191638	Hà Kim	Thi	28/03/2001	DH19KTO01	Kinh tế chính trị
1097	191440	Trần Hữu	Trọng	03/09/2001	DH19KTO01	Anh văn căn bản 3
1098	191990	Nguyễn Thị Thủy	Kiều	25/03/2001	DH19KTO02	Kinh tế vi mô
1099	192555	Nguyễn Trung	Hiếu	21/04/2001	DH19KTO02	Kinh tế vi mô
1100	199404	Nguyễn Công	Danh	05/07/2001	DH19KTO02	Anh văn căn bản 3
1101	199672	Lê Thị Thu	Hoàng	15/12/2001	DH19KTO02	Anh văn căn bản 3
1102	199809	Hà Thị Trúc	Ly	07/08/2001	DH19KTO02	Anh văn căn bản 3
1103	199911	Dương Huỳnh	Thái	17/09/2000	DH19KTR01	Kinh tế chính trị
1104	1810247	Tiêu Quốc	Tính	01/01/2000	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1105	1910111	Ngũ Kim	Đạt	01/07/1996	DH19KTR01	Kinh tế chính trị
1106	190465	Lê Vũ	Huỳnh	23/10/2001	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1107	190772	Nguyễn Nhật	Trường	01/01/2000	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1108	192283	Trần Hoài	Hận	12/11/2001	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1109	199911	Dương Huỳnh	Thái	17/09/2000	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1110	1910111	Ngũ Kim	Đạt	01/07/1996	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1111	190991	Bùi Văn Minh	Tùng	09/09/2001	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1112	192312	Mã Ngọc	Siêu	11/09/2000	DH19KTR01	Anh văn căn bản 2
1113	1810601	Huỳnh Đăng	Khoa	21/10/2000	DH19LKT01	Xã hội học pháp luật
1114	175698	Ông Minh	Trường	17/02/1998	DH19LKT01	Kinh tế chính trị
1115	1810601	Huỳnh Đăng	Khoa	21/10/2000	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1116	192163	Vương Nhật	Anh	11/02/2001	DH19LKT01	Xã hội học pháp luật
1117	190322	Trương Thị Hồng	Lên	23/12/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1118	180508	Phạm Hồng	Chân	01/01/2000	DH19LKT01	Luật dân sự 2
1119	1810601	Huỳnh Đăng	Khoa	21/10/2000	DH19LKT01	Kinh tế chính trị
1120	190420	Phạm Thị	Ngoan	03/06/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1121	190661	Phạm Đức	Nhân	25/10/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1122	191225	Lương Nguyễn Diễm	Huỳnh	04/01/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1123	191266	Lâm Văn	Tấn	13/08/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1124	180508	Phạm Hồng	Chân	01/01/2000	DH19LKT01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
1125	191398	Hà Phước	Hải	18/04/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1126	191819	Nguyễn Minh	Nhật	20/04/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1127	191856	Tăng Bảo	Tôn	13/07/2000	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1128	192464	Nguyễn Thị Bửu	Trần	26/09/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1129	192519	Nguyễn Quốc	Tiến	05/10/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1130	199072	Dương Thị Mỹ	Thu	03/05/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1131	199132	Lê Quốc	Kỳ	22/10/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1132	199480	Phạm Trúc	Lan	17/03/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1133	199529	Phạm Thị Thu	Hương	27/10/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1134	199785	Phạm Thị Mỹ	Tiên	25/12/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1135	199799	La Hoàng Băng	Long	20/11/2000	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1136	190845	Trần Gia	Hân	05/09/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1137	191237	Trần Nguyễn Hoài	Duy	18/05/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1138	191446	Huỳnh Ngọc Hồng	Anh	07/06/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1139	199381	Nguyễn Thành	An	26/12/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1140	190670	Nguyễn Văn	Nhiên	09/11/2000	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1141	199097	Nguyễn Văn Phú	Quý	01/01/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1142	199186	Ngô Tấn	Sang	08/07/2001	DH19LKT01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1143	192163	Vương Nhật	Anh	11/02/2001	DH19LKT01	Anh văn căn bản 2
1144	192285	Nguyễn Trường	Duy	01/01/2001	DH19LKT01	Anh văn căn bản 2
1145	199132	Lê Quốc	Kỳ	22/10/2001	DH19LKT01	Anh văn căn bản 2
1146	199480	Phạm Trúc	Lan	17/03/2001	DH19LKT01	Anh văn căn bản 2
1147	180463	Thái Hiền Mộng	Kha	11/07/2000	DH19LUA01	Pháp luật về giao dịch bảo đảm
1148	190080	Mai Thị Hải	Yến	18/08/2001	DH19LUA01	Xã hội học pháp luật
1149	190064	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/12/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1150	180463	Thái Hiền Mộng	Kha	11/07/2000	DH19LUA01	Luật thương mại 1 (pháp luật về các loại hình thương nhân)
1151	190385	Phạm Minh	Thư	15/04/2001	DH19LUA01	Xã hội học pháp luật
1152	190080	Mai Thị Hải	Yến	18/08/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1153	190193	Hồ Hà	Phương	27/06/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1154	180463	Thái Hiền Mộng	Kha	11/07/2000	DH19LUA01	Luật dân sự 2
1155	190385	Phạm Minh	Thư	15/04/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1156	199844	Dương Hồng	Ngọc	09/09/2001	DH19LUA01	Xã hội học pháp luật
1157	190396	Trần Thị Bích	Duyên	30/03/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1158	190426	Ngô Tuấn	Thanh	01/01/2000	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1159	190080	Mai Thị Hải	Yến	18/08/2001	DH19LUA01	Kinh tế chính trị
1160	190479	Trác Thị Mỹ	Hạnh	19/05/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1161	190934	Lý Huỳnh Duy	Tân	07/12/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1162	180463	Thái Hiền Mộng	Kha	11/07/2000	DH19LUA01	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
1163	191183	Lưu Minh	Thành	09/12/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1164	191404	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	11/04/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1165	191632	Vũ Phan Minh	Phát	01/01/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1166	191633	Trần Quốc	Sil	27/12/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1167	190080	Mai Thị Hải	Yến	18/08/2001	DH19LUA01	Anh văn căn bản 2
1168	199609	Phạm Kim	Nhung	06/06/1985	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1169	199844	Dương Hồng	Ngọc	09/09/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1170	190479	Trác Thị Mỹ	Hạnh	19/05/2001	DH19LUA01	Anh văn căn bản 2
1171	190945	Nguyễn Văn	Triều	11/05/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1172	191492	Âu Ngọc	Cần	16/01/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1173	191654	Ngô Thừa	Ấn	22/04/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1174	190106	Huỳnh Thị Cẩm	Huỳnh	07/06/2001	DH19LUA01	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1175	191654	Ngô Thừa	Ấn	22/04/2001	DH19LUA01	Anh văn căn bản 2
1176	192422	Đinh Thanh Tuyết	Mi	16/02/2001	DH19LUA02	Xã hội học pháp luật
1177	199520	Trần Đặng Võ	Tấn	09/03/2000	DH19LUA02	Xã hội học pháp luật
1178	191802	Trần Sơn	Trí	16/12/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1179	191888	Võ Duy	Khang	02/09/2000	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1180	191982	Hồ Gia Minh	Luân	20/10/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1181	192422	Đinh Thanh Tuyết	Mi	16/02/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1182	192532	Võ Công	Thắm	23/06/2000	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1183	198924	Đinh Nhựt	Trí	24/03/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1184	199027	Ngô Hoàng Mỹ	Dung	17/02/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1185	199328	Trà Thị	Bưng	17/07/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1186	199520	Trần Đặng Võ	Tấn	09/03/2000	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1187	199864	Tạ Anh	Thư	05/11/2001	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1188	199358	Lê Thị Quế	Anh	20/11/2000	DH19LUA02	Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật 2
1189	192422	Đinh Thanh Tuyết	Mi	16/02/2001	DH19LUA02	Kinh tế chính trị
1190	199520	Trần Đặng Võ	Tấn	09/03/2000	DH19LUA02	Kinh tế chính trị
1191	191904	Mã Anh	Đề	01/06/2001	DH19LUA02	Anh văn căn bản 2
1192	192422	Đinh Thanh Tuyết	Mi	16/02/2001	DH19LUA02	Anh văn căn bản 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1193	199168	TRƯỜNG MINH	NHỰT	20/05/2001	DH19LUA02	Anh văn căn bản 2
1194	199520	Trần Đặng Võ	Tấn	09/03/2000	DH19LUA02	Anh văn căn bản 2
1195	198980	Nguyễn Duy	Khánh	03/10/2001	DH19LUA02	Anh văn căn bản 2
1196	199581	Thái Thị Huỳnh	Như	19/04/2001	DH19LUA02	Anh văn căn bản 2
1197	190286	Lê Hoàng	Thì	18/09/2001	DH19NNA01	Viết 1
1198	190512	Nguyễn Huỳnh Thúy	Ví	09/01/2001	DH19NNA01	Đọc 1
1199	190349	Phạm Thị Như	Ý	19/09/2001	DH19NNA01	Viết 1
1200	190512	Nguyễn Huỳnh Thúy	Ví	09/01/2001	DH19NNA01	Pháp văn 1
1201	190901	Trần Thị Ngọc	Tuyền	20/12/2001	DH19NNA01	Đọc 1
1202	190445	Liêu Quốc	Vinh	15/09/2000	DH19NNA01	Viết 1
1203	190901	Trần Thị Ngọc	Tuyền	20/12/2001	DH19NNA01	Pháp văn 1
1204	191021	Huỳnh Thảo	Ngân	24/12/2001	DH19NNA01	Đọc 1
1205	190512	Nguyễn Huỳnh Thúy	Ví	09/01/2001	DH19NNA01	Viết 1
1206	191146	Nguyễn Anh	Thư	01/03/2001	DH19NNA01	Pháp văn 1
1207	191146	Nguyễn Anh	Thư	01/03/2001	DH19NNA01	Đọc 1
1208	190846	Nguyễn Yển	Ngọc	12/02/2001	DH19NNA01	Viết 1
1209	191201	Phan Lê Bảo	Trần	15/02/2001	DH19NNA01	Pháp văn 1
1210	191201	Phan Lê Bảo	Trần	15/02/2001	DH19NNA01	Đọc 1
1211	190886	Hồ Tấn	Phước	18/08/2001	DH19NNA01	Viết 1
1212	190901	Trần Thị Ngọc	Tuyền	20/12/2001	DH19NNA01	Viết 1
1213	191021	Huỳnh Thảo	Ngân	24/12/2001	DH19NNA01	Viết 1
1214	190968	Nguyễn Tâm	Như	02/06/2001	DH19NNA01	Pháp văn 1
1215	191076	Tô Thị Thu	Trang	25/07/2001	DH19NNA01	Viết 1
1216	191146	Nguyễn Anh	Thư	01/03/2001	DH19NNA01	Viết 1
1217	190968	Nguyễn Tâm	Như	02/06/2001	DH19NNA01	Đọc 1
1218	191201	Phan Lê Bảo	Trần	15/02/2001	DH19NNA01	Viết 1
1219	191268	Võ Huỳnh Gia	Huy	20/11/2001	DH19NNA01	Viết 1
1220	191415	Võ Thị Huỳnh	Như	09/09/2001	DH19NNA01	Viết 1
1221	191662	Nguyễn Thị Khánh	Hà	08/04/2001	DH19NNA01	Viết 1
1222	190968	Nguyễn Tâm	Như	02/06/2001	DH19NNA01	Viết 1
1223	191665	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	03/04/2001	DH19NNA01	Viết 1
1224	199308	Nguyễn Ngọc	Lễ	19/09/2001	DH19NNA02	Pháp văn 1
1225	191798	Nguyễn Ngọc	Khỏe	24/06/2001	DH19NNA02	Đọc 1
1226	192219	Lê Thị Diệu	Hiền	16/06/2001	DH19NNA02	Đọc 1
1227	199291	Nguyễn Bình Thảo	Trình	27/10/2001	DH19NNA02	Đọc 1
1228	199308	Nguyễn Ngọc	Lễ	19/09/2001	DH19NNA02	Đọc 1
1229	191798	Nguyễn Ngọc	Khỏe	24/06/2001	DH19NNA02	Viết 1
1230	192344	Trịnh Thị Kiều	Huy	05/05/2001	DH19NNA02	Viết 1
1231	192573	Phạm Thị Ngọc	Ngân	29/03/2001	DH19NNA02	Viết 1
1232	198938	Bùi Kim	Lượng	26/06/2001	DH19NNA02	Viết 1
1233	198968	Nguyễn Thị	Hương	02/09/2001	DH19NNA02	Viết 1
1234	199291	Nguyễn Bình Thảo	Trình	27/10/2001	DH19NNA02	Viết 1
1235	199308	Nguyễn Ngọc	Lễ	19/09/2001	DH19NNA02	Viết 1
1236	199473	Trần Thị Thanh	Thảo	02/02/2001	DH19NNA02	Viết 1
1237	192046	Trần Thị Đăng	Huỳnh	20/05/2001	DH19NNA02	Viết 1
1238	190308	Võ Thiện	Nhân	06/04/2001	DH19NNA03	Pháp văn 1
1239	1910077	Nguyễn Phượng	Nhi	02/06/1998	DH19NNA03	Pháp văn 1
1240	199488	Nguyễn Thị	Thế	31/03/2000	DH19NNA03	Viết 1
1241	188196	Thạch Bạch Quang	Minh	23/02/2000	DH19NNA03	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
1242	199876	Tô Trường Phi	Long	11/07/2000	DH19NNA03	Viết 1
1243	1910077	Nguyễn Phượng	Nhi	02/06/1998	DH19NNA03	Viết 1
1244	199840	Huỳnh Triệu	Ví	06/02/2001	DH19NNA03	Viết 1
1245	176746	Phạm Huỳnh	Thuận	14/03/1999	DH19OTO01	Dụng sai-Kỹ thuật đo
1246	176746	Phạm Huỳnh	Thuận	14/03/1999	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1247	190048	Nguyễn Hưng	Thịnh	11/11/2001	DH19OTO01	Dụng sai-Kỹ thuật đo
1248	176746	Phạm Huỳnh	Thuận	14/03/1999	DH19OTO01	Kinh tế chính trị
1249	190134	Trần Thanh	Vũ	19/05/2001	DH19OTO01	Dụng sai-Kỹ thuật đo

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1250	190019	Nguyễn Thanh	Bình	13/02/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1251	190034	Thái Thành	Trung	24/05/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1252	190048	Nguyễn Hưng	Thịnh	11/11/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1253	176746	Phạm Huỳnh	Thuận	14/03/1999	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1254	190091	Trần Minh	Trường	05/09/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1255	190134	Trần Thanh	Vũ	19/05/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1256	190231	Nguyễn Minh	Phục	17/12/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1257	190134	Trần Thanh	Vũ	19/05/2001	DH19OTO01	Kinh tế chính trị
1258	190302	Lâm Hữu	Tính	12/10/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1259	190305	Nguyễn Công	Thành	09/03/2000	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1260	190307	Lư Vũ	Phương	18/10/2000	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1261	190311	Nguyễn Nhật	Trường	31/01/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1262	190019	Nguyễn Thanh	Bình	13/02/2001	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1263	199370	Nguyễn Hoàng	Phước	22/03/2001	DH19OTO01	Dung sai-Kỹ thuật đo
1264	190134	Trần Thanh	Vũ	19/05/2001	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1265	190176	Đoàn Chí	Nguyễn	28/04/2001	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1266	190206	Trần Hoàng	Kha	11/11/2001	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1267	199370	Nguyễn Hoàng	Phước	22/03/2001	DH19OTO01	Kinh tế chính trị
1268	199370	Nguyễn Hoàng	Phước	22/03/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1269	199687	Trương Khánh	Duy	24/04/2000	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1270	190112	Trần Anh	Hào	24/10/2001	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1271	199370	Nguyễn Hoàng	Phước	22/03/2001	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1272	190215	Trần Hoàng	Huy	07/08/2000	DH19OTO01	Cơ học lý thuyết
1273	199687	Trương Khánh	Duy	24/04/2000	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1274	190215	Trần Hoàng	Huy	07/08/2000	DH19OTO01	Anh văn căn bản 2
1275	177475	Phạm Văn	Tấn	11/01/1999	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1276	190608	Huỳnh Minh	Trọng	29/08/2000	DH19OTO02	Dung sai-Kỹ thuật đo
1277	191252	Nguyễn Vũ	Kha	18/03/2001	DH19OTO02	Dung sai-Kỹ thuật đo
1278	191361	Nguyễn Đoàn Luân	Em	13/02/2001	DH19OTO02	Dung sai-Kỹ thuật đo
1279	177475	Phạm Văn	Tấn	11/01/1999	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1280	190353	Nguyễn Quốc	Trạng	30/08/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1281	190360	Nguyễn Việt	Tường	16/10/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1282	190383	Trần Trường	Kha	24/07/2000	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1283	190389	Tiêu Chí	Nguyễn	06/11/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1284	190411	Võ Chí	Thiện	01/05/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1285	190415	Nguyễn Văn	Kha	09/10/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1286	190608	Huỳnh Minh	Trọng	29/08/2000	DH19OTO02	Kinh tế chính trị
1287	190425	Cao Anh	Quân	03/10/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1288	190435	Tiền Trọng	Nguyễn	07/09/2000	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1289	190448	Mai Công Tấn	Đạt	21/08/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1290	190469	Ngô Hữu	Minh	07/01/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1291	190476	Nguyễn Quốc	Huy	01/01/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1292	190489	Lê Hữu	Lộc	28/04/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1293	190555	Châu Thái	Nguyên	10/11/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1294	190569	Huỳnh Văn	Minh	10/07/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1295	191208	Ngô Hòa	Lợi	16/09/2001	DH19OTO02	Dung sai-Kỹ thuật đo
1296	190579	Tô Quốc	Khải	11/10/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1297	190598	Đỗ Văn	Đức	01/12/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1298	190608	Huỳnh Minh	Trọng	29/08/2000	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1299	191252	Nguyễn Vũ	Kha	18/03/2001	DH19OTO02	Kinh tế chính trị
1300	191361	Nguyễn Đoàn Luân	Em	13/02/2001	DH19OTO02	Kinh tế chính trị
1301	190515	Nguyễn Duy	Khánh	31/08/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1302	191041	Võ Trần Việt	Anh	11/12/2000	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1303	190598	Đỗ Văn	Đức	01/12/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1304	190608	Huỳnh Minh	Trọng	29/08/2000	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1305	191079	Phan Quốc	Thái	16/06/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1306	191133	Đỗ Cát	Tương	24/06/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1307	191135	Nguyễn Hoàng	Phúc	25/10/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1308	191252	Nguyễn Vũ	Kha	18/03/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1309	191282	Nguyễn Hữu	Quy	27/02/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1310	191361	Nguyễn Đoàn Luân	Em	13/02/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1311	191252	Nguyễn Vũ	Kha	18/03/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1312	191282	Nguyễn Hữu	Quy	27/02/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1313	191361	Nguyễn Đoàn Luân	Em	13/02/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1314	175986	Lâm Huy	Nhân	30/06/1998	DH19OTO02	Kinh tế chính trị
1315	191208	Ngô Hòa	Lợi	16/09/2001	DH19OTO02	Kinh tế chính trị
1316	199483	Võ Hoài	Duy	27/02/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1317	199530	Trần Quốc	Thái	18/11/2000	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1318	199697	Trần Chí	Kiên	21/06/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1319	190390	Tăng Tấn	Tài	24/04/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1320	190407	Hồ Hạo	Nhiên	24/02/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1321	190490	Dương Tuấn	Toàn	10/12/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1322	190513	Lâm Quốc	An	01/12/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1323	190550	Nguyễn Minh	Khánh	25/05/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1324	191280	Lê Minh	Hiếu	11/07/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1325	190524	Huỳnh Nguyễn Thiện	Trung	14/06/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1326	191125	Võ Huỳnh	Long	25/01/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1327	191208	Ngô Hòa	Lợi	16/09/2001	DH19OTO02	Cơ học lý thuyết
1328	190550	Nguyễn Minh	Khánh	25/05/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1329	191208	Ngô Hòa	Lợi	16/09/2001	DH19OTO02	Anh văn căn bản 2
1330	190712	Trần Duy	Khang	22/07/2000	DH19OTO03	Dung sai-Kỹ thuật đo
1331	190777	Trương Văn	Nhớ	15/09/2001	DH19OTO03	Dung sai-Kỹ thuật đo
1332	190826	Nguyễn Trường	Duy	21/06/2001	DH19OTO03	Dung sai-Kỹ thuật đo
1333	190880	Phan Chí	Nguyễn	08/02/2001	DH19OTO03	Dung sai-Kỹ thuật đo
1334	190640	Tô Thanh	Nguyễn	16/06/2001	DH19OTO03	Kinh tế chính trị
1335	190777	Trương Văn	Nhớ	15/09/2001	DH19OTO03	Kinh tế chính trị
1336	190880	Phan Chí	Nguyễn	08/02/2001	DH19OTO03	Kinh tế chính trị
1337	190645	Nguyễn Quang	Linh	15/05/2000	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1338	190707	Nguyễn Hoàng	Hưng	17/05/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1339	190708	Võ Diên Vũ	Minh	05/08/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1340	190712	Trần Duy	Khang	22/07/2000	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1341	190777	Trương Văn	Nhớ	15/09/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1342	190826	Nguyễn Trường	Duy	21/06/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1343	190857	Nguyễn Thành	Phi	18/03/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1344	190880	Phan Chí	Nguyễn	08/02/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1345	190892	Đặng Văn	Hoài	31/10/2000	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1346	190929	Dương Quốc	Huy	28/07/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1347	190712	Trần Duy	Khang	22/07/2000	DH19OTO03	Anh văn căn bản 2
1348	190777	Trương Văn	Nhớ	15/09/2001	DH19OTO03	Anh văn căn bản 2
1349	190880	Phan Chí	Nguyễn	08/02/2001	DH19OTO03	Anh văn căn bản 2
1350	199262	Mã Thành	Công	31/07/2001	DH19OTO03	Cơ học lý thuyết
1351	199250	Lư Hoàng	Dũng	30/01/2001	DH19OTO03	Anh văn căn bản 2
1352	199684	Hồ Thanh	Tuấn	03/03/2001	DH19OTO03	Anh văn căn bản 2
1353	192331	Nguyễn Hữu	Thịnh	15/02/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1354	192353	Phan Hoàng	Hữu	07/08/2000	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1355	192425	Phạm Trọng	Hữu	11/09/1999	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1356	192448	Kiểm Thái	Dinh	01/02/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1357	192484	Lê Hữu	Huỳnh	25/06/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1358	198871	Lê Thành	Tới	09/08/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1359	198893	Đỗ Công	Khanh	08/12/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1360	198918	Trịnh Trường	Phát	02/05/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1361	199467	Trần Nhật Đăng	Huy	03/02/2001	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1362	188858	Nguyễn Văn	Phúc	28/03/2000	DH19OTO04	Dung sai-Kỹ thuật đo
1363	192331	Nguyễn Hữu	Thịnh	15/02/2001	DH19OTO04	Kinh tế chính trị

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1364	192362	Dương Bảo	Duy	29/09/2001	DH19OTO04	Kinh tế chính trị
1365	192425	Phạm Trọng	Hữu	11/09/1999	DH19OTO04	Kinh tế chính trị
1366	198893	Đỗ Công	Khanh	08/12/2001	DH19OTO04	Kinh tế chính trị
1367	198918	Trịnh Trường	Phát	02/05/2001	DH19OTO04	Kinh tế chính trị
1368	191498	Trần Trung	Kiên	17/06/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1369	188858	Nguyễn Văn	Phúc	28/03/2000	DH19OTO04	Kinh tế chính trị
1370	177866	Lâm Công	Đặng	06/06/1999	DH19OTO04	Kinh tế chính trị
1371	192328	Dương Anh	Kiệt	28/04/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1372	192331	Nguyễn Hữu	Thịnh	15/02/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1373	192353	Phan Hoàng	Hữu	07/08/2000	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1374	192362	Dương Bảo	Duy	29/09/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1375	192365	Võ Quốc	Khánh	01/01/2000	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1376	192425	Phạm Trọng	Hữu	11/09/1999	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1377	192331	Nguyễn Hữu	Thịnh	15/02/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1378	192448	Kiểm Thái	Dinh	01/02/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1379	192375	Nguyễn Bùi Quang	Duy	12/02/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1380	192551	Trịnh Khánh	Duy	29/10/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1381	192568	Nguyễn Hoàng	Nghiêm	15/10/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1382	198889	Trần Quốc	Huy	01/06/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1383	198893	Đỗ Công	Khanh	08/12/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1384	198918	Trịnh Trường	Phát	02/05/2001	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1385	192425	Phạm Trọng	Hữu	11/09/1999	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1386	192448	Kiểm Thái	Dinh	01/02/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1387	199487	Lê Văn Nhật	Hào	13/03/2000	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1388	198889	Trần Quốc	Huy	01/06/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1389	198893	Đỗ Công	Khanh	08/12/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1390	198918	Trịnh Trường	Phát	02/05/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1391	188858	Nguyễn Văn	Phúc	28/03/2000	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1392	199467	Trần Nhật Đăng	Huy	03/02/2001	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1393	177866	Lâm Công	Đặng	06/06/1999	DH19OTO04	Cơ học lý thuyết
1394	188858	Nguyễn Văn	Phúc	28/03/2000	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1395	177866	Lâm Công	Đặng	06/06/1999	DH19OTO04	Anh văn căn bản 2
1396	191626	Lê Ngọc	Tùng	04/11/2001	DH19OTO05	Dụng sai-Kỹ thuật đo
1397	191426	Nguyễn Minh	Định	16/11/2000	DH19OTO05	Dụng sai-Kỹ thuật đo
1398	191065	Hồ Quốc	Tuấn	16/11/2000	DH19OTO05	Dụng sai-Kỹ thuật đo
1399	191027	Nguyễn Công	Thành	01/07/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1400	191070	Huỳnh Duy	Khánh	08/07/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1401	191109	Nguyễn Bảo	Khải	04/06/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1402	191136	Nguyễn Quốc	Khiêm	15/06/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1403	191173	Nguyễn Thái	Tài	02/12/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1404	191210	Nguyễn Hoàng Đức	Thịnh	07/03/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1405	191229	Danh Xứ	Tâm	10/11/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1406	191328	Trần Đình Minh	Tuấn	06/04/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1407	191358	Lê Thanh	Nhàn	31/03/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1408	191372	La Nhựt	Khánh	02/09/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1409	191376	Dương Quốc	Hòa	27/07/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1410	191381	Nguyễn Chí	Thức	07/01/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1411	191410	Lý Bình	Minh	25/05/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1412	191421	Lê Trần Bảo	Trọng	04/08/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1413	191451	Bùi Quan	Tín	01/01/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1414	191456	Huỳnh Trung	Học	22/01/1997	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1415	191467	Phạm Thành	Phát	14/07/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1416	191468	Phạm Gia	Hào	05/08/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1417	191470	Đinh Hồ Vũ Trường	Giang	07/10/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1418	191471	Lê Công	Uyển	02/09/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1419	191507	Trần Tấn	Phước	06/10/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1420	191522	Nguyễn Chiến Đăng	Khoa	26/02/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1421	191535	Huỳnh Thanh	Thiên	27/11/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1422	191544	Trần Lý Đăng	Khoa	15/06/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1423	191557	Dương Minh	Quang	01/02/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1424	191559	Phan Văn	Thắng	01/07/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1425	191572	Dương Hòa	Triết	01/01/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1426	191584	Nguyễn Hồng	Đức	25/03/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1427	191593	Phạm Hùng	Vinh	16/06/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1428	191626	Lê Ngọc	Tùng	04/11/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1429	191544	Trần Lý Đăng	Khoa	15/06/2001	DH19OTO05	Anh văn căn bản 2
1430	191644	Liêu Minh	Nguơn	11/11/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1431	191559	Phan Văn	Thắng	01/07/2001	DH19OTO05	Anh văn căn bản 2
1432	191661	Trần Nhựt	Minh	01/08/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1433	191669	Lê Văn	Khang	05/03/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1434	191676	Thái Thới	Thuận	19/03/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1435	191644	Liêu Minh	Nguơn	11/11/2001	DH19OTO05	Anh văn căn bản 2
1436	1910072	Phạm Vũ	Chương	25/02/00	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1437	191426	Nguyễn Minh	Định	16/11/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1438	191472	Huỳnh Nhật	Trọng	26/08/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1439	191574	Lê Đình	Thành	12/01/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1440	199707	Nguyễn Phước	Lợi	11/02/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1441	191065	Hồ Quốc	Tuấn	16/11/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1442	191397	Thái Văn	Út	19/02/2000	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1443	191542	Trần Văn	Hên	06/10/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1444	191585	Lê Trí	Bảo	28/11/2001	DH19OTO05	Cơ học lý thuyết
1445	1910024	Nguyễn Thành	Đỗ	26/03/2001	DH19OTO05	Anh văn căn bản 2
1446	1910073	Trần Văn	Khang	01/01/2000	DH19OTO05	Anh văn căn bản 2
1447	191397	Thái Văn	Út	19/02/2000	DH19OTO05	Anh văn căn bản 2
1448	191967	Vũ Công Trường	Giang	19/02/2000	DH19OTO06	Dung sai-Kỹ thuật đo
1449	192016	Bùi Phạm Minh	Duy	30/11/2001	DH19OTO06	Dung sai-Kỹ thuật đo
1450	191966	Trần Thành	Nhân	23/04/2000	DH19OTO06	Dung sai-Kỹ thuật đo
1451	192009	Trần Trí	Nghĩa	21/09/2001	DH19OTO06	Dung sai-Kỹ thuật đo
1452	191119	Nguyễn Trung	Vện	02/01/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1453	191967	Vũ Công Trường	Giang	19/02/2000	DH19OTO06	Kinh tế chính trị
1454	192016	Bùi Phạm Minh	Duy	30/11/2001	DH19OTO06	Kinh tế chính trị
1455	191324	Đào Đăng	Phong	03/03/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1456	191369	Nguyễn Văn	Hải	17/03/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1457	191701	Phạm Hoàng	Khánh	22/09/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1458	191721	Phan Thanh	Huy	01/10/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1459	191755	Nguyễn Phúc	Hưng	30/08/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1460	191782	Trần Thanh	Liêm	24/08/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1461	191784	Mai Thanh	Danh	29/01/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1462	191790	Trần Đình	Khải	09/12/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1463	191808	Trần Nhựt	Trương	24/04/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1464	191812	Nguyễn Hữu	Lợi	17/07/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1465	191846	Tô Hoàng	Bá	06/10/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1466	191966	Trần Thành	Nhân	23/04/2000	DH19OTO06	Kinh tế chính trị
1467	191895	Lý Chí	Thiện	17/05/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1468	191899	Lê Thanh	Huy	08/06/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1469	191908	Lê Nhật	Tiến	16/11/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1470	191967	Vũ Công Trường	Giang	19/02/2000	DH19OTO06	Anh văn căn bản 2
1471	191934	Đặng Thế	Inh	18/02/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1472	191942	Vũ Hoàng	Linh	06/05/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1473	192016	Bùi Phạm Minh	Duy	30/11/2001	DH19OTO06	Anh văn căn bản 2
1474	191950	Nguyễn Hoàng	Sơn	28/12/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1475	191964	Đỗ Hồng	Linh	02/03/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1476	191967	Vũ Công Trường	Giang	19/02/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1477	191999	Trang Tường	Duy	01/01/1999	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1478	192002	Nguyễn Trương Trung	Chánh	29/01/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1479	192016	Bùi Phạm Minh	Duy	30/11/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1480	192142	Bùi Khánh	Duy	09/02/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1481	199573	Nguyễn Minh	Nhật	01/01/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1482	191320	Bạch Minh	Khang	29/12/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1483	191803	Hồ Chí	Tài	29/12/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1484	191880	Lê Hoàng	Phúc	01/09/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1485	191926	Huỳnh Nhật	Hoà	14/07/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1486	191966	Trần Thành	Nhân	23/04/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1487	192009	Trần Trí	Nghĩa	21/09/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1488	191214	Đình Chí	Khang	09/03/2001	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1489	199720	Nguyễn Thị Hồng	Đào	05/10/2000	DH19OTO06	Cơ học lý thuyết
1490	191966	Trần Thành	Nhân	23/04/2000	DH19OTO06	Anh văn căn bản 2
1491	199153	Nguyễn Trung	Nhân	17/08/2001	DH19OTO07	Dung sai-Kỹ thuật đo
1492	199023	Phạm Trọng	Nghĩa	20/11/2001	DH19OTO07	Dung sai-Kỹ thuật đo
1493	199023	Phạm Trọng	Nghĩa	20/11/2001	DH19OTO07	Kinh tế chính trị
1494	192254	Siêu Quốc	Cường	22/04/2001	DH19OTO07	Cơ học lý thuyết
1495	192190	Nguyễn Minh	Thành	14/06/2001	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1496	192280	Trương Tấn	Tài	24/11/2000	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1497	192304	Huỳnh Đăng	Khoa	15/08/2001	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1498	199094	Lê Hùng	Anh	04/11/2001	DH19OTO07	Cơ học lý thuyết
1499	198984	Lê Y	Khoa	09/11/2000	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1500	199049	Lâm Thanh	Bình	19/07/2001	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1501	199094	Lê Hùng	Anh	04/11/2001	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1502	199210	Trần Bảo	Linh	16/02/2000	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1503	192258	Trần Phước	Quang	14/01/2001	DH19OTO07	Cơ học lý thuyết
1504	199023	Phạm Trọng	Nghĩa	20/11/2001	DH19OTO07	Cơ học lý thuyết
1505	192209	Huỳnh Võ	Đức	04/05/2001	DH19OTO07	Cơ học lý thuyết
1506	199023	Phạm Trọng	Nghĩa	20/11/2001	DH19OTO07	Anh văn căn bản 2
1507	192101	Nguyễn Lê Minh	Hiếu	11/07/1999	DH19QHC01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1508	191416	Võ Thị Yến	Nhi	06/03/2001	DH19QHC01	Anh văn căn bản 2
1509	199886	Đặng Ngọc	Thiện	01/01/2000	DH19QLD01	Kinh tế học
1510	190431	Dư Ngọc	Long	24/05/2001	DH19QTD01	Anh văn căn bản 3
1511	190463	Nguyễn Nhật	Khang	15/02/2001	DH19QTD01	Anh văn căn bản 3
1512	190431	Dư Ngọc	Long	24/05/2001	DH19QTD01	Kinh tế vi mô
1513	190431	Dư Ngọc	Long	24/05/2001	DH19QTD01	Kinh tế chính trị
1514	190431	Dư Ngọc	Long	24/05/2001	DH19QTD01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1515	190556	Võ Hồng Ngọc	Thảo	17/10/2001	DH19QTD01	Anh văn căn bản 3
1516	1910093	Nguyễn Hồ Ngọc	Thắng	16/03/1996	DH19QTD01	Anh văn căn bản 3
1517	190146	Phạm Nguyễn Nhật	Ví	03/05/2001	DH19QTD01	Anh văn căn bản 3
1518	190747	Lê Gia	Thiều	09/12/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1519	190914	Lê Quốc	Bảo	01/01/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1520	190932	Lê Thị Tường	Vy	22/12/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1521	190983	Nguyễn Khánh	Ngân	01/11/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1522	191126	Nguyễn Thị Trang	Đài	16/05/2001	DH19QTD02	Kinh tế vi mô
1523	191067	Lê Ngọc	Quý	25/03/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1524	191126	Nguyễn Thị Trang	Đài	16/05/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1525	191384	Phạm Thị Kiều	Anh	29/07/2001	DH19QTD02	Kinh tế vi mô
1526	191384	Phạm Thị Kiều	Anh	29/07/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1527	199505	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/03/2001	DH19QTD02	Kinh tế vi mô
1528	190932	Lê Thị Tường	Vy	22/12/2001	DH19QTD02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1529	191067	Lê Ngọc	Quý	25/03/2001	DH19QTD02	Kinh tế chính trị
1530	191067	Lê Ngọc	Quý	25/03/2001	DH19QTD02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1531	191126	Nguyễn Thị Trang	Đài	16/05/2001	DH19QTD02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1532	191126	Nguyễn Thị Trang	Đài	16/05/2001	DH19QTD02	Kinh tế chính trị
1533	199505	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/03/2001	DH19QTD02	Anh văn căn bản 3
1534	191384	Phạm Thị Kiều	Anh	29/07/2001	DH19QTD02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1535	191384	Phạm Thị Kiều	Anh	29/07/2001	DH19QTD02	Kinh tế chính trị
1536	199505	Nguyễn Thị Kim	Ngân	30/03/2001	DH19QTD02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1537	1810045	Trương Quốc	Thái	13/10/2000	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1538	1810045	Trương Quốc	Thái	13/10/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1539	1810045	Trương Quốc	Thái	13/10/2000	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1540	191473	Lê Quan	Qui	20/11/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1541	191589	Trần Đức	Linh	21/06/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1542	191581	Châu Nhật	Tâm	30/07/2001	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1543	1810045	Trương Quốc	Thái	13/10/2000	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1544	191629	Nguyễn Thành	Chương	11/09/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1545	191705	Trần Thị Thanh	Tuyền	17/06/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1546	191865	Trịnh Lâm Huy	Tài	05/07/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1547	192065	Nguyễn Phạm	Duy	17/12/2000	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1548	192061	Nguyễn Văn	Ty	10/06/1999	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1549	192248	Trần Nguyễn Khả	Ví	24/07/2001	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1550	192065	Nguyễn Phạm	Duy	17/12/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1551	192161	Đoái Công	Thức	25/08/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1552	192167	Nguyễn Tú	Trình	19/09/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1553	192183	Phan Thị Thanh	Thảo	13/03/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1554	192246	Nguyễn Chí	Phú	07/11/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1555	192248	Trần Nguyễn Khả	Ví	24/07/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1556	199507	Nguyễn Văn	Yên	10/08/2001	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1557	199606	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	09/11/2001	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1558	199423	Trần Minh	Trường	27/03/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1559	199669	Trương Anh	Duy	16/11/2000	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1560	199507	Nguyễn Văn	Yên	10/08/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1561	199606	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	09/11/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1562	199669	Trương Anh	Duy	16/11/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1563	180856	Trần Kim	Anh	27/12/2000	DH19QTD03	Kinh tế vi mô
1564	199827	Lê Kim	Ngân	10/05/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1565	199982	Phạm Duy Thành	An	02/11/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1566	190805	Hồ Hữu	Ấn	19/07/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1567	199504	Nguyễn Trần Thị Kim	Cương	20/05/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1568	180856	Trần Kim	Anh	27/12/2000	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1569	191516	Hồ Xuân	Hoàng	12/08/2001	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1570	192065	Nguyễn Phạm	Duy	17/12/2000	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1571	191877	Nguyễn Vương Bích	Ngân	30/05/2001	DH19QTD03	Anh văn căn bản 3
1572	192065	Nguyễn Phạm	Duy	17/12/2000	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1573	199423	Trần Minh	Trường	27/03/2001	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1574	199507	Nguyễn Văn	Yên	10/08/2001	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1575	199606	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	09/11/2001	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1576	199669	Trương Anh	Duy	16/11/2000	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1577	199827	Lê Kim	Ngân	10/05/2000	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1578	180856	Trần Kim	Anh	27/12/2000	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1579	199423	Trần Minh	Trường	27/03/2001	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1580	199606	Nguyễn Huỳnh Yến	Nhi	09/11/2001	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1581	199669	Trương Anh	Duy	16/11/2000	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1582	191877	Nguyễn Vương Bích	Ngân	30/05/2001	DH19QTD03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1583	180856	Trần Kim	Anh	27/12/2000	DH19QTD03	Kinh tế chính trị
1584	192355	Nguyễn Huỳnh Như	Khánh	20/06/2001	DH19QTD04	Anh văn căn bản 3
1585	192515	Phan Ngô Quốc	Hoàng	24/10/1999	DH19QTD04	Anh văn căn bản 3
1586	198886	Phạm Huỳnh	Nhu	27/08/2001	DH19QTD04	Anh văn căn bản 3
1587	1910075	Trần Ngọc	Hân	12/09/2001	DH19QTD04	Kinh tế vi mô
1588	1910075	Trần Ngọc	Hân	12/09/2001	DH19QTD04	Anh văn căn bản 3
1589	1910075	Trần Ngọc	Hân	12/09/2001	DH19QTD04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1590	190119	Chung Đặng Hoài	Ngọc	28/06/2001	DH19QTK01	Kinh tế vi mô
1591	190119	Chung Đặng Hoài	Ngọc	28/06/2001	DH19QTK01	Tư tưởng Hồ Chí Minh

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1592	190119	Chung Đặng Hoài	Ngọc	28/06/2001	DH19QTK01	Kinh tế chính trị
1593	190143	Bùi Gia	Hân	12/11/2001	DH19QTK01	Kinh tế chính trị
1594	190119	Chung Đặng Hoài	Ngọc	28/06/2001	DH19QTK01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1595	190119	Chung Đặng Hoài	Ngọc	28/06/2001	DH19QTK01	Anh văn căn bản 2
1596	190174	Lê Thị Huỳnh	Mai	08/07/2001	DH19QTK01	Anh văn căn bản 2
1597	190075	Trần Văn	Trí	25/01/2001	DH19QTK01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1598	192038	Trần Minh	Trọng	23/11/2001	DH19QTK01	Anh văn căn bản 2
1599	190583	Phạm Thị Kim	Ngọc	06/12/1999	DH19QTK02	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1600	190486	Phạm Thị Ngọc	Trâm	15/03/2001	DH19QTK02	Kinh tế vi mô
1601	190583	Phạm Thị Kim	Ngọc	06/12/1999	DH19QTK02	Kinh tế vi mô
1602	199630	Đào Công	Nghiệp	08/12/2000	DH19QTK02	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1603	199780	Trần Thị Thúy	An	02/03/2001	DH19QTK02	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1604	190583	Phạm Thị Kim	Ngọc	06/12/1999	DH19QTK02	Kinh tế chính trị
1605	190326	Huỳnh Ngọc	Hân	24/11/2001	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1606	190333	Lê Chí	Thoại	13/12/2001	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1607	190339	Nguyễn Hoàng Bảo	Trân	19/10/2001	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1608	190583	Phạm Thị Kim	Ngọc	06/12/1999	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1609	190675	Đình Minh	Tài	17/06/2001	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1610	199630	Đào Công	Nghiệp	08/12/2000	DH19QTK02	Kinh tế vi mô
1611	190326	Huỳnh Ngọc	Hân	24/11/2001	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1612	199780	Trần Thị Thúy	An	02/03/2001	DH19QTK02	Kinh tế vi mô
1613	190583	Phạm Thị Kim	Ngọc	06/12/1999	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1614	190675	Đình Minh	Tài	17/06/2001	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1615	199630	Đào Công	Nghiệp	08/12/2000	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1616	190770	Lê Tường	Ví	16/02/2001	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1617	199780	Trần Thị Thúy	An	02/03/2001	DH19QTK02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1618	199780	Trần Thị Thúy	An	02/03/2001	DH19QTK02	Kinh tế chính trị
1619	199630	Đào Công	Nghiệp	08/12/2000	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1620	192178	Lương Quỳnh	Như	20/06/2000	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1621	190375	Trần Quốc	Bảo	10/04/2001	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1622	190770	Lê Tường	Ví	16/02/2001	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1623	199780	Trần Thị Thúy	An	02/03/2001	DH19QTK02	Anh văn căn bản 2
1624	191248	Trần Thùy	Trang	09/08/2001	DH19QTK03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1625	191248	Trần Thùy	Trang	09/08/2001	DH19QTK03	Kinh tế vi mô
1626	188815	Ngô Phương	Duy	11/09/1999	DH19QTK03	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1627	191248	Trần Thùy	Trang	09/08/2001	DH19QTK03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1628	191248	Trần Thùy	Trang	09/08/2001	DH19QTK03	Kinh tế chính trị
1629	188815	Ngô Phương	Duy	11/09/1999	DH19QTK03	Kinh tế vi mô
1630	191248	Trần Thùy	Trang	09/08/2001	DH19QTK03	Anh văn căn bản 2
1631	188815	Ngô Phương	Duy	11/09/1999	DH19QTK03	Kinh tế chính trị
1632	188815	Ngô Phương	Duy	11/09/1999	DH19QTK03	Anh văn căn bản 2
1633	191436	Lưu Minh	Sang	17/07/2001	DH19QTK04	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1634	191630	Nguyễn Chí	Hiếu	13/10/2001	DH19QTK04	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1635	191436	Lưu Minh	Sang	17/07/2001	DH19QTK04	Kinh tế vi mô
1636	191445	Nguyễn Duy	Linh	23/06/2001	DH19QTK04	Kinh tế vi mô
1637	191630	Nguyễn Chí	Hiếu	13/10/2001	DH19QTK04	Kinh tế vi mô
1638	191706	Nguyễn Trọng	Lĩnh	28/09/2001	DH19QTK04	Kinh tế vi mô
1639	191436	Lưu Minh	Sang	17/07/2001	DH19QTK04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1640	191445	Nguyễn Duy	Linh	23/06/2001	DH19QTK04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1641	191436	Lưu Minh	Sang	17/07/2001	DH19QTK04	Kinh tế chính trị
1642	191630	Nguyễn Chí	Hiếu	13/10/2001	DH19QTK04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1643	191445	Nguyễn Duy	Linh	23/06/2001	DH19QTK04	Kinh tế chính trị
1644	191813	Vũ Nam	Hưng	07/02/1999	DH19QTK04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1645	191436	Lưu Minh	Sang	17/07/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1646	191441	Trần Hữu	Trí	03/09/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1647	191445	Nguyễn Duy	Linh	23/06/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1648	191611	Đỗ Kiều Diễm	My	24/12/2001	DH19QTK04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1649	191493	Nguyễn Thị Trúc	Anh	23/10/2000	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1650	191502	Nguyễn Tấn	Kiệt	17/09/2000	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1651	191872	Ngô Thành	Văn	01/07/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1652	191875	Lê Huỳnh	Sơn	07/02/2000	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1653	191611	Đỗ Kiều Diễm	My	24/12/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1654	191717	Huỳnh Trường	Thịnh	30/04/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1655	191605	Đoàn Hải	Đông	27/07/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1656	192020	Đặng Hải	Đặng	19/10/2001	DH19QTK04	Anh văn căn bản 2
1657	198949	Huỳnh Huệ	Anh	13/01/2001	DH19QTK05	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1658	199071	Nguyễn Thất	Sang	17/09/2001	DH19QTK05	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1659	192146	Lâm Thanh	Thanh	09/06/2001	DH19QTK05	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1660	199123	Lê Tấn	Lợi	24/07/2001	DH19QTK05	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1661	199071	Nguyễn Thất	Sang	17/09/2001	DH19QTK05	Kinh tế vi mô
1662	199225	Lâm Ái	Linh	30/01/2001	DH19QTK05	Kinh tế vi mô
1663	192146	Lâm Thanh	Thanh	09/06/2001	DH19QTK05	Kinh tế vi mô
1664	199123	Lê Tấn	Lợi	24/07/2001	DH19QTK05	Kinh tế vi mô
1665	198949	Huỳnh Huệ	Anh	13/01/2001	DH19QTK05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1666	199071	Nguyễn Thất	Sang	17/09/2001	DH19QTK05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1667	198949	Huỳnh Huệ	Anh	13/01/2001	DH19QTK05	Kinh tế chính trị
1668	199071	Nguyễn Thất	Sang	17/09/2001	DH19QTK05	Kinh tế chính trị
1669	199161	Trần Hồng	Thương	15/01/1999	DH19QTK05	Kinh tế chính trị
1670	192146	Lâm Thanh	Thanh	09/06/2001	DH19QTK05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1671	199123	Lê Tấn	Lợi	24/07/2001	DH19QTK05	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1672	192146	Lâm Thanh	Thanh	09/06/2001	DH19QTK05	Kinh tế chính trị
1673	192000	Ngô Nguyễn Thúy	Ngân	27/07/2001	DH19QTK05	Kinh tế chính trị
1674	199123	Lê Tấn	Lợi	24/07/2001	DH19QTK05	Kinh tế chính trị
1675	199071	Nguyễn Thất	Sang	17/09/2001	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1676	199079	QUÁCH HOÀNG	QUỐC	10/02/2001	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1677	199161	Trần Hồng	Thương	15/01/1999	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1678	199208	Đào Kim	Tiền	02/09/2001	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1679	199297	Phan Ngọc	Toàn	13/07/2001	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1680	192146	Lâm Thanh	Thanh	09/06/2001	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1681	199123	Lê Tấn	Lợi	24/07/2001	DH19QTK05	Anh văn căn bản 2
1682	192210	Ngô Lê Hương	Giang	22/10/2001	DH19QTK06	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1683	192548	Phạm Thị Kim	Ngọc	23/01/2001	DH19QTK06	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1684	199364	Chim Hoàng Tuyết	Nhi	07/04/2001	DH19QTK06	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1685	189169	Nguyễn Phúc Nguyên	Chương	16/03/2000	DH19QTK06	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam
1686	192483	Lê Thanh	Quý	09/11/2001	DH19QTK06	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1687	192289	Tăng Thị Tuyết	Anh	16/09/2001	DH19QTK06	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1688	192210	Ngô Lê Hương	Giang	22/10/2001	DH19QTK06	Kinh tế vi mô
1689	192548	Phạm Thị Kim	Ngọc	23/01/2001	DH19QTK06	Kinh tế vi mô
1690	192140	Nguyễn Phương	Nam	22/01/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 3
1691	199364	Chim Hoàng Tuyết	Nhi	07/04/2001	DH19QTK06	Kinh tế vi mô
1692	192483	Lê Thanh	Quý	09/11/2001	DH19QTK06	Kinh tế vi mô
1693	188598	Trần Bình	Dương	19/10/2000	DH19QTK06	Kinh tế vi mô
1694	192289	Tăng Thị Tuyết	Anh	16/09/2001	DH19QTK06	Kinh tế vi mô
1695	192210	Ngô Lê Hương	Giang	22/10/2001	DH19QTK06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1696	192548	Phạm Thị Kim	Ngọc	23/01/2001	DH19QTK06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1697	192210	Ngô Lê Hương	Giang	22/10/2001	DH19QTK06	Kinh tế chính trị
1698	192220	Đặng Thái	Sang	05/04/2001	DH19QTK06	Kinh tế chính trị
1699	199364	Chim Hoàng Tuyết	Nhi	07/04/2001	DH19QTK06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1700	192548	Phạm Thị Kim	Ngọc	23/01/2001	DH19QTK06	Kinh tế chính trị
1701	199364	Chim Hoàng Tuyết	Nhi	07/04/2001	DH19QTK06	Kinh tế chính trị
1702	192483	Lê Thanh	Quý	09/11/2001	DH19QTK06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1703	192289	Tăng Thị Tuyết	Anh	16/09/2001	DH19QTK06	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1704	192483	Lê Thanh	Quý	09/11/2001	DH19QTK06	Kinh tế chính trị
1705	192210	Ngô Lê Hương	Giang	22/10/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1706	192220	Đặng Thái	Sang	05/04/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1707	192289	Tăng Thị Tuyết	Anh	16/09/2001	DH19QTK06	Kinh tế chính trị
1708	192548	Phạm Thị Kim	Ngọc	23/01/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1709	198892	La Tôn	Long	26/06/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1710	198916	Tôn Nữ Thảo	Ngân	18/09/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1711	199364	Chim Hoàng Tuyết	Nhi	07/04/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1712	192483	Lê Thanh	Quý	09/11/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1713	192289	Tăng Thị Tuyết	Anh	16/09/2001	DH19QTK06	Anh văn căn bản 2
1714	190995	Đặng Hoàng	Tĩnh	10/06/2001	DH19QTN01	Xã hội học đại cương
1715	190995	Đặng Hoàng	Tĩnh	10/06/2001	DH19QTN01	Kinh tế vi mô
1716	190995	Đặng Hoàng	Tĩnh	10/06/2001	DH19QTN01	Kinh tế chính trị
1717	190578	Nguyễn Lam	Phương	10/09/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1718	190580	Nguyễn Duy	Khang	04/07/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1719	190995	Đặng Hoàng	Tĩnh	10/06/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1720	191164	Huỳnh Minh	Thuận	12/07/1999	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1721	191515	Tạ Lê	Duy	02/07/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1722	191738	Bùi Minh	Đương	18/09/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1723	192069	Lương Văn	Nhớ	01/11/2000	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1724	198872	Đào Minh	Khang	05/10/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1725	199817	Huỳnh Thị Mai	Hương	19/02/2001	DH19QTN01	Anh văn căn bản 2
1726	199376	Đào Thị Ngân	Hà	25/02/2001	DH19QTS01	Xã hội học đại cương
1727	199399	Huỳnh Thúy	Vy	20/03/2001	DH19QTS01	Xã hội học đại cương
1728	199400	Phan Lâm Xuân	Vy	17/10/2001	DH19QTS01	Xã hội học đại cương
1729	199930	Đỗ Ngọc	Mạnh	06/09/2001	DH19QTS01	Xã hội học đại cương
1730	199376	Đào Thị Ngân	Hà	25/02/2001	DH19QTS01	Kinh tế vi mô
1731	199399	Huỳnh Thúy	Vy	20/03/2001	DH19QTS01	Kinh tế vi mô
1732	199400	Phan Lâm Xuân	Vy	17/10/2001	DH19QTS01	Kinh tế vi mô
1733	199930	Đỗ Ngọc	Mạnh	06/09/2001	DH19QTS01	Kinh tế vi mô
1734	192091	Danh Nguyễn Thanh Hoàng	Phúc	20/09/2001	DH19QTS01	Kinh tế chính trị
1735	199376	Đào Thị Ngân	Hà	25/02/2001	DH19QTS01	Kinh tế chính trị
1736	199399	Huỳnh Thúy	Vy	20/03/2001	DH19QTS01	Kinh tế chính trị
1737	199400	Phan Lâm Xuân	Vy	17/10/2001	DH19QTS01	Kinh tế chính trị
1738	199930	Đỗ Ngọc	Mạnh	06/09/2001	DH19QTS01	Kinh tế chính trị
1739	192099	Nguyễn Tiểu	Lam	08/06/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1740	199717	Nguyễn Nguyễn Thảo	My	02/05/2000	DH19QTS01	Kinh tế chính trị
1741	199151	Lê Văn Thái	Thanh	19/04/2000	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1742	199376	Đào Thị Ngân	Hà	25/02/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1743	199399	Huỳnh Thúy	Vy	20/03/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1744	199400	Phan Lâm Xuân	Vy	17/10/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1745	199439	Nguyễn Võ Trường	Tính	06/02/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1746	199930	Đỗ Ngọc	Mạnh	06/09/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1747	199981	Lê Thụy Băng	Trình	06/01/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1748	1910014	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	17/01/01	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1749	199806	Trương Thị Cẩm	Tiên	20/03/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1750	190458	Huỳnh Thị Hồng	Đào	25/04/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1751	199366	Bùi Thị Yến	Thi	11/07/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1752	199717	Nguyễn Nguyễn Thảo	My	02/05/2000	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1753	199969	Phan Kỳ Tú	Anh	06/10/2001	DH19QTS01	Anh văn căn bản 2
1754	190365	Hứa Múi	Hôn	03/08/2001	DH19TCN01	Kinh tế vi mô
1755	190873	Trần Huỳnh	Phương	17/01/2001	DH19TCN01	Anh văn căn bản 3
1756	190900	Hứa Ngọc Kim	Chi	25/03/2001	DH19TCN01	Anh văn căn bản 3
1757	190900	Hứa Ngọc Kim	Chi	25/03/2001	DH19TCN01	Kinh tế vi mô
1758	190900	Hứa Ngọc Kim	Chi	25/03/2001	DH19TCN01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
1759	190430	Nguyễn Thị Như	Uyên	13/01/2001	DH19TCN01	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
1760	190900	Hứa Ngọc Kim	Chi	25/03/2001	DH19TCN01	Kinh tế chính trị
1761	190430	Nguyễn Thị Như	Uyên	13/01/2001	DH19TCN01	Kinh tế vi mô
1762	191432	Trần Xuân	Trường	01/03/2001	DH19TCN01	Kinh tế chính trị

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1763	190430	Nguyễn Thị Như	Uyên	13/01/2001	DH19TCN01	Anh văn căn bản 3
1764	1910048	Đoàn Minh	Thuận	08/09/2000	DH19TCN01	Anh văn căn bản 3
1765	190430	Nguyễn Thị Như	Uyên	13/01/2001	DH19TCN01	Kinh tế chính trị
1766	1910048	Đoàn Minh	Thuận	08/09/2000	DH19TCN01	Kinh tế chính trị
1767	188523	Lê Phước	Thành	23/04/2000	DH19TCN02	Anh văn căn bản 3
1768	188523	Lê Phước	Thành	23/04/2000	DH19TCN02	Kinh tế vi mô
1769	188867	Cao Bảo	Anh	05/08/2000	DH19TCN02	Anh văn căn bản 3
1770	191830	Lê Trương Anh	Hào	20/04/2001	DH19TCN02	Anh văn căn bản 3
1771	199321	Lê Nguyễn Mỹ	Linh	11/10/2000	DH19TCN02	Lý thuyết tài chính-tiền tệ
1772	191994	Phan Vũ Đăng	Khoa	09/07/2001	DH19TCN02	Anh văn căn bản 3
1773	199321	Lê Nguyễn Mỹ	Linh	11/10/2000	DH19TCN02	Kinh tế vi mô
1774	199321	Lê Nguyễn Mỹ	Linh	11/10/2000	DH19TCN02	Anh văn căn bản 3
1775	199466	Chung Việt	Khái	09/10/2001	DH19TCN02	Anh văn căn bản 3
1776	199321	Lê Nguyễn Mỹ	Linh	11/10/2000	DH19TCN02	Kinh tế chính trị
1777	190054	Phạm Thế	Duyệt	15/09/2000	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1778	190202	Nguyễn Lữ Duy	Thịnh	26/02/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1779	190270	Nguyễn Đình	Khuyến	15/02/2000	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1780	190471	Văn Đình	Tính	25/03/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1781	190508	Nguyễn Phương	Duy	16/12/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1782	190054	Phạm Thế	Duyệt	15/09/2000	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1783	190631	Đỗ Tiến	Hào	22/03/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1784	190677	Nguyễn Ngọc	Xuân	26/01/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1785	190732	Võ Văn Thiên	Long	14/01/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1786	190749	Trần Vĩnh	Thảo	19/04/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1787	190809	Lê Thế	Toàn	25/10/2000	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1788	190818	Trần Duy	Khánh	21/01/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1789	190202	Nguyễn Lữ Duy	Thịnh	26/02/2001	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1790	190202	Nguyễn Lữ Duy	Thịnh	26/02/2001	DH19TIN01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1791	190054	Phạm Thế	Duyệt	15/09/2000	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1792	190677	Nguyễn Ngọc	Xuân	26/01/2001	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1793	190809	Lê Thế	Toàn	25/10/2000	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1794	190677	Nguyễn Ngọc	Xuân	26/01/2001	DH19TIN01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1795	190809	Lê Thế	Toàn	25/10/2000	DH19TIN01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1796	190202	Nguyễn Lữ Duy	Thịnh	26/02/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1797	190205	Nguyễn Công	Kháng	29/03/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1798	1910007	Nguyễn Hoàng	Duy	06/04/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1799	190201	Nguyễn Thị Mỹ	Chân	01/01/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1800	190241	Huỳnh Ngọc	Duy	12/11/2000	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1801	190782	Châu Văn	Phúc	01/05/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1802	190799	Đồng Lê Công	Danh	19/02/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1803	190642	Phạm Chí	Bảo	15/02/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1804	199992	Nguyễn Gia	Thiên	08/10/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1805	1910018	Nguyễn Văn	Cường	09/04/1995	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1806	190677	Nguyễn Ngọc	Xuân	26/01/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1807	190746	Trương Trọng	Hiếu	27/05/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1808	190736	Ngô Tuấn	Khanh	23/06/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1809	1910028	Thái Nhật	Hào	29/09/2001	DH19TIN01	Toán rời rạc 2
1810	190809	Lê Thế	Toàn	25/10/2000	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1811	190201	Nguyễn Thị Mỹ	Chân	01/01/2001	DH19TIN01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1812	1910018	Nguyễn Văn	Cường	09/04/1995	DH19TIN01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1813	1910007	Nguyễn Hoàng	Duy	06/04/2001	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1814	190782	Châu Văn	Phúc	01/05/2001	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1815	1910018	Nguyễn Văn	Cường	09/04/1995	DH19TIN01	Kinh tế chính trị
1816	1910007	Nguyễn Hoàng	Duy	06/04/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1817	190201	Nguyễn Thị Mỹ	Chân	01/01/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1818	190427	Lê Thành	Tiền	09/12/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1819	199992	Nguyễn Gia	Thiên	08/10/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1820	1910018	Nguyễn Văn	Cường	09/04/1995	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1821	190736	Ngô Tuấn	Khanh	23/06/2001	DH19TIN01	Anh văn căn bản 2
1822	190963	Đỗ Văn	Nguyễn	11/10/2000	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1823	191061	Đặng Thanh	Toàn	25/04/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1824	191084	Ngô Hoàng	Khang	01/02/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1825	191101	Từ Tấn	Lực	07/01/2000	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1826	191169	Phạm Long	Thế	30/10/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1827	191222	Nguyễn Hoàng	Khang	16/10/01	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1828	191267	Trần Đăng	Khoa	16/02/2000	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1829	191365	Nguyễn Như	Trung	28/10/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1830	191505	Nguyễn Ngọc	Tính	05/09/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1831	191511	Lê Minh	Sĩ	13/09/2000	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1832	191538	Nguyễn Khắc	Duy	24/07/2000	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1833	191610	Nguyễn Anh	Minh	23/04/2000	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1834	191653	Phạm Hồng	Công	06/06/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1835	191663	Nguyễn Quang	Vinh	18/07/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1836	190963	Đỗ Văn	Nguyễn	11/10/2000	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1837	191061	Đặng Thanh	Toàn	25/04/2001	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1838	190963	Đỗ Văn	Nguyễn	11/10/2000	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1839	191061	Đặng Thanh	Toàn	25/04/2001	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1840	191101	Từ Tấn	Lực	07/01/2000	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1841	191222	Nguyễn Hoàng	Khang	16/10/01	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1842	191222	Nguyễn Hoàng	Khang	16/10/01	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1843	191264	Nguyễn Bá Trường	Giang	17/10/2001	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1844	191267	Trần Đăng	Khoa	16/02/2000	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1845	191264	Nguyễn Bá Trường	Giang	17/10/2001	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1846	191267	Trần Đăng	Khoa	16/02/2000	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1847	191511	Lê Minh	Sĩ	13/09/2000	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1848	191653	Phạm Hồng	Công	06/06/2001	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1849	1910074	Nguyễn Thế	Phương	16/11/01	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1850	191511	Lê Minh	Sĩ	13/09/2000	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1851	191520	Nguyễn Phước	Thọ	05/05/2001	DH19TIN02	Toán rời rạc 2
1852	190963	Đỗ Văn	Nguyễn	11/10/2000	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1853	191061	Đặng Thanh	Toàn	25/04/2001	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1854	191084	Ngô Hoàng	Khang	01/02/2001	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1855	191098	Bành Tấn	Tài	20/09/2001	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1856	191107	Nghiêm Hoàng	Khỏe	02/08/2000	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1857	191169	Phạm Long	Thế	30/10/2001	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1858	191267	Trần Đăng	Khoa	16/02/2000	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1859	191505	Nguyễn Ngọc	Tính	05/09/2001	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1860	191511	Lê Minh	Sĩ	13/09/2000	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1861	191538	Nguyễn Khắc	Duy	24/07/2000	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1862	191520	Nguyễn Phước	Thọ	05/05/2001	DH19TIN02	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1863	191520	Nguyễn Phước	Thọ	05/05/2001	DH19TIN02	Kinh tế chính trị
1864	191085	Lê Minh	Nghĩa	22/06/2000	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1865	191520	Nguyễn Phước	Thọ	05/05/2001	DH19TIN02	Anh văn căn bản 2
1866	191465	Nguyễn Ngọc	Hân	02/09/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1867	191724	Chăng Nguyễn Hiếu	Nghĩa	23/07/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1868	191764	Trần Văn	Của	14/08/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1869	191785	Lê Bá	Duy	08/09/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1870	191979	Nguyễn Hoài	Lâm	25/12/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1871	192110	Trương Minh	Nhật	06/04/1998	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1872	192179	Phan Minh	Hiếu	14/04/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1873	192407	Huỳnh Đan	Trường	05/02/2000	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1874	192482	Nguyễn Thanh	Dân	17/11/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1875	191465	Nguyễn Ngọc	Hân	02/09/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1876	191465	Nguyễn Ngọc	Hân	02/09/2001	DH19TIN03	Kinh tế chính trị

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1877	191724	Chăng Nguyễn Hiếu	Nghĩa	23/07/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1878	191764	Trần Văn	Của	14/08/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1879	192110	Trương Minh	Nhật	06/04/1998	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1880	191764	Trần Văn	Của	14/08/2001	DH19TIN03	Kinh tế chính trị
1881	192407	Huỳnh Đan	Trường	05/02/2000	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1882	191714	Mạch Phước	Đạt	14/11/2000	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1883	192482	Nguyễn Thanh	Dân	17/11/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1884	192110	Trương Minh	Nhật	06/04/1998	DH19TIN03	Kinh tế chính trị
1885	191771	Huỳnh Quang	Huy	16/03/2001	DH19TIN03	Toán rời rạc 2
1886	192407	Huỳnh Đan	Trường	05/02/2000	DH19TIN03	Kinh tế chính trị
1887	192482	Nguyễn Thanh	Dân	17/11/2001	DH19TIN03	Kinh tế chính trị
1888	191714	Mạch Phước	Đạt	14/11/2000	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1889	191783	Nguyễn Trung	Tiến	18/08/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1890	191764	Trần Văn	Của	14/08/2001	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1891	191785	Lê Bá	Duy	08/09/2001	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1892	191771	Huỳnh Quang	Huy	16/03/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1893	192103	Nguyễn Tấn	Tỵ	15/02/2001	DH19TIN03	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1894	191714	Mạch Phước	Đạt	14/11/2000	DH19TIN03	Kinh tế chính trị
1895	192110	Trương Minh	Nhật	06/04/1998	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1896	192156	Phạm Thành	Tín	11/09/2001	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1897	192407	Huỳnh Đan	Trường	05/02/2000	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1898	192482	Nguyễn Thanh	Dân	17/11/2001	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1899	191714	Mạch Phước	Đạt	14/11/2000	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1900	192092	Ngô Phước	Thịnh	12/01/2001	DH19TIN03	Anh văn căn bản 2
1901	1421314854	Nhan Trọng	Quân	02/05/1996	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1902	1421314854	Nhan Trọng	Quân	02/05/1996	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1903	1421314854	Nhan Trọng	Quân	02/05/1996	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1904	166552	Ngô Nguyễn Bảo	Lâm	16/07/1998	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1905	188493	Nguyễn Duy	Khang	20/07/2000	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1906	1810451	Nguyễn Quốc	Thịnh	19/09/2000	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1907	1810626	Lê Anh	Vũ	1996	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1908	188493	Nguyễn Duy	Khang	20/07/2000	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1909	1810451	Nguyễn Quốc	Thịnh	19/09/2000	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1910	188493	Nguyễn Duy	Khang	20/07/2000	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1911	188493	Nguyễn Duy	Khang	20/07/2000	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1912	1810451	Nguyễn Quốc	Thịnh	19/09/2000	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1913	1810626	Lê Anh	Vũ	1996	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1914	1810451	Nguyễn Quốc	Thịnh	19/09/2000	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1915	192547	Lê Hoàng	Tú	23/01/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1916	199084	Châu Lợi	Thiện	31/12/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1917	199102	Lâm Nhật	Thắng	03/11/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1918	199164	Đỗ Phước	Thanh	09/06/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1919	199274	Võ Phát	Đạt	11/10/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1920	199299	Trần Văn Vũ Chí	Thành	10/01/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1921	199708	Phạm Hà Trọng	Tín	29/01/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1922	199712	Huỳnh Trung	Nhân	16/04/2000	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1923	199733	Lê Văn	Mạnh	29/01/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1924	199933	Huỳnh Công	Danh	08/11/1999	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1925	192549	Nguyễn Ngọc Minh	Duy	07/10/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1926	198880	Nguyễn Khánh	Duy	13/11/2001	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1927	192547	Lê Hoàng	Tú	23/01/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1928	199016	Lê Nhuận	Phú	25/05/2000	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1929	199966	Trần Quốc	Vĩnh	16/01/99	DH19TIN04	Toán rời rạc 2
1930	199084	Châu Lợi	Thiện	31/12/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1931	199102	Lâm Nhật	Thắng	03/11/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1932	199164	Đỗ Phước	Thanh	09/06/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1933	199274	Võ Phát	Đạt	11/10/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1934	192547	Lê Hoàng	Tú	23/01/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1935	199708	Phạm Hà Trọng	Tín	29/01/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1936	199084	Châu Lợi	Thiện	31/12/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1937	199712	Huỳnh Trung	Nhân	16/04/2000	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1938	199102	Lâm Nhựt	Thắng	03/11/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1939	199733	Lê Văn	Mạnh	29/01/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1940	199274	Võ Phát	Đạt	11/10/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1941	199933	Huỳnh Công	Danh	08/11/1999	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1942	192549	Nguyễn Ngọc Minh	Duy	07/10/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1943	198880	Nguyễn Khánh	Duy	13/11/2001	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1944	199708	Phạm Hà Trọng	Tín	29/01/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1945	199712	Huỳnh Trung	Nhân	16/04/2000	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1946	199733	Lê Văn	Mạnh	29/01/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1947	199933	Huỳnh Công	Danh	08/11/1999	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1948	165945	Nguyễn Minh	Thuận	06/10/1998	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1949	199966	Trần Quốc	Vĩnh	16/01/99	DH19TIN04	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1950	192549	Nguyễn Ngọc Minh	Duy	07/10/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1951	198880	Nguyễn Khánh	Duy	13/11/2001	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1952	165945	Nguyễn Minh	Thuận	06/10/1998	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1953	199966	Trần Quốc	Vĩnh	16/01/99	DH19TIN04	Kinh tế chính trị
1954	192547	Lê Hoàng	Tú	23/01/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1955	198961	Huỳnh Anh	Hào	03/02/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1956	199084	Châu Lợi	Thiện	31/12/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1957	199102	Lâm Nhựt	Thắng	03/11/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1958	199274	Võ Phát	Đạt	11/10/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1959	199299	Trần Văn Vũ Chí	Thành	10/01/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1960	199712	Huỳnh Trung	Nhân	16/04/2000	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1961	199733	Lê Văn	Mạnh	29/01/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1962	198880	Nguyễn Khánh	Duy	13/11/2001	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1963	165945	Nguyễn Minh	Thuận	06/10/1998	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1964	199966	Trần Quốc	Vĩnh	16/01/99	DH19TIN04	Anh văn căn bản 2
1965	177281	Huỳnh Trung	Hậu	30/09/1999	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1966	177281	Huỳnh Trung	Hậu	30/09/1999	DH19XDU01	Kinh tế chính trị
1967	176465	Hồ Xuân	Phương	10/07/1999	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1968	176940	Nguyễn Quốc	Đạt	16/08/1999	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1969	177281	Huỳnh Trung	Hậu	30/09/1999	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1970	190325	Trần Nhật	Quý	23/07/2000	DH19XDU01	Cơ học lý thuyết
1971	190440	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tân	05/01/2001	DH19XDU01	Kinh tế chính trị
1972	190285	Phạm Đình	Tân	02/09/1993	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1973	190366	Nguyễn Việt	Hưng	19/04/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1974	190440	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tân	05/01/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1975	190554	Trần Nhị	Khang	16/04/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1976	190271	Phan Tấn	Lực	08/10/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1977	190285	Phạm Đình	Tân	02/09/1993	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1978	190325	Trần Nhật	Quý	23/07/2000	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1979	190440	Nguyễn Huỳnh Thanh	Tân	05/01/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1980	1910110	Nguyễn Quốc	Thắng	07/10/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 3
1981	192439	Nguyễn Minh	Trung	07/06/2000	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1982	190790	Bùi Việt	Hào	09/01/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1983	190946	Trương Minh	Nhựt	01/01/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1984	192439	Nguyễn Minh	Trung	07/06/2000	DH19XDU01	Kinh tế chính trị
1985	199545	Lê Anh	Tuấn	19/07/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1986	199615	Lê Khánh	Nam	24/12/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1987	191412	Ngô Quốc	Trí	05/03/1999	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1988	191495	Lưu Anh	Vũ	08/07/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1989	199545	Lê Anh	Tuấn	19/07/2001	DH19XDU01	Kinh tế chính trị
1990	199615	Lê Khánh	Nam	24/12/2001	DH19XDU01	Kinh tế chính trị

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
1991	191548	Dương Đăng Hoàng	Khang	06/01/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1992	191660	Nguyễn Trung	Nguyên	27/07/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1993	192500	Nguyễn Quang	Đại	27/09/2001	DH19XDU01	Lý thuyết xác suất và thống kê toán
1994	191887	Trần Bá	Phạm	08/09/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1995	192314	Trần Anh	Kiệt	18/11/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1996	192384	Dương Anh	Hào	21/08/2000	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1997	192421	Trần Minh	Hiếu	11/05/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1998	199511	Đặng Vinh	Hiền	13/06/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
1999	199615	Lê Khánh	Nam	24/12/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2000	190055	Kha Hữu	Bằng	15/10/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2001	191071	Trần Chí	Hảo	27/01/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2002	191134	Trần Quang	Dinh	01/10/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2003	191548	Dương Đăng Hoàng	Khang	06/01/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2004	192112	Nguyễn Tấn	Đạt	24/06/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2005	192500	Nguyễn Quang	Đại	27/09/2001	DH19XDU01	Anh văn căn bản 2
2006	190531	Lâm Chí	Thảo	06/11/2001	DH19XET01	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
2007	190542	Võ Đức	Tài	14/08/2001	DH19XET01	Xác suất thống kê y học
2008	190061	Quách Ngọc	Phúc	21/11/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2009	190073	Nguyễn Thị Ý	Kỷ	06/03/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2010	199394	Trần Nguyễn Phương	Khanh	13/08/2001	DH19XET01	Xác suất thống kê y học
2011	190164	Lê Nguyễn Thanh Vân	Anh	30/07/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2012	199357	Châu Minh	Hằng	02/02/2001	DH19XET01	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
2013	190699	Đỗ Thị	Tuyền	17/02/2001	DH19XET01	Xác suất thống kê y học
2014	190179	Huỳnh	Anh	02/12/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2015	199394	Trần Nguyễn Phương	Khanh	13/08/2001	DH19XET01	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
2016	190531	Lâm Chí	Thảo	06/11/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2017	190542	Võ Đức	Tài	14/08/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2018	199394	Trần Nguyễn Phương	Khanh	13/08/2001	DH19XET01	Giải phẫu 1
2019	190542	Võ Đức	Tài	14/08/2001	DH19XET01	Kinh tế chính trị
2020	190531	Lâm Chí	Thảo	06/11/2001	DH19XET01	Anh văn căn bản 2
2021	190542	Võ Đức	Tài	14/08/2001	DH19XET01	Anh văn căn bản 2
2022	199394	Trần Nguyễn Phương	Khanh	13/08/2001	DH19XET01	Kinh tế chính trị
2023	199394	Trần Nguyễn Phương	Khanh	13/08/2001	DH19XET01	Anh văn căn bản 2
2024	190830	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trường	10/08/2001	DH19XET02	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
2025	191310	Trần Thị	Hiền	24/05/1999	DH19XET02	Xác suất thống kê y học
2026	191552	Nguyễn Thị Ngọc	Huệ	01/10/2001	DH19XET02	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
2027	190830	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Trường	10/08/2001	DH19XET02	Giải phẫu 1
2028	191033	Bùi Lê Minh	Luân	03/04/2001	DH19XET02	Giải phẫu 1
2029	191205	Bùi Kim	Ngân	03/11/2001	DH19XET02	Giải phẫu 1
2030	191310	Trần Thị	Hiền	24/05/1999	DH19XET02	Giải phẫu 1
2031	191487	Trần Bảo	Long	18/11/2001	DH19XET02	Giải phẫu 1
2032	190850	Trịnh Thị Ái	Như	11/05/2001	DH19XET02	Kinh tế chính trị
2033	199579	Trương Anh	Thư	07/05/2001	DH19XET02	Anh văn căn bản 2
2034	199001	Trần Linh	Kha	01/12/2000	DH19XET03	Xác suất thống kê y học
2035	199001	Trần Linh	Kha	01/12/2000	DH19XET03	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu
2036	192338	Lư Tuấn	Anh	22/10/2001	DH19XET03	Xác suất thống kê y học
2037	192401	Phạm Văn Trọng	Nhân	09/04/2000	DH19XET03	Giải phẫu 1
2038	199001	Trần Linh	Kha	01/12/2000	DH19XET03	Giải phẫu 1
2039	199001	Trần Linh	Kha	01/12/2000	DH19XET03	Kinh tế chính trị
2040	199001	Trần Linh	Kha	01/12/2000	DH19XET03	Anh văn căn bản 2
2041	190838	Hồ Hoàng Minh	Hạ	07/05/2001	DH19YKH01	Giải phẫu 1
2042	190838	Hồ Hoàng Minh	Hạ	07/05/2001	DH19YKH01	Kinh tế chính trị
2043	190838	Hồ Hoàng Minh	Hạ	07/05/2001	DH19YKH01	Xác suất thống kê y học
2044	190930	Phạm Trung	Hiếu	14/08/1987	DH19YKH01	Kinh tế chính trị
2045	190930	Phạm Trung	Hiếu	14/08/1987	DH19YKH01	Xác suất thống kê y học
2046	191411	Nguyễn Chí	Bình	16/09/2000	DH19YKH02	Kinh tế chính trị
2047	1910049	Lương Hoàng An	Duyên	19/02/01	DH19YKH02	Giải phẫu 1

STT	MSSV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Môn thi
2048	192313	Dương Đình	Khải	20/07/2000	DH19YKH03	Giải phẫu 1
2049	192576	Lê Nguyễn Chí	Kha	27/07/2001	DH19YKH03	Giải phẫu 1
2050	198890	Lê Văn Nhật	Tín	01/06/2001	DH19YKH03	Giải phẫu 1
2051	192313	Dương Đình	Khải	20/07/2000	DH19YKH03	Xác suất thống kê y học
2052	192313	Dương Đình	Khải	20/07/2000	DH19YKH03	Kinh tế chính trị
2053	198890	Lê Văn Nhật	Tín	01/06/2001	DH19YKH03	Xác suất thống kê y học
2054	192012	Trần Ngọc	Ánh	27/11/2001	DH19YKH03	Xác suất thống kê y học
2055	1910060	Nguyễn Hoàng	Phúc	23/09/90	DH19YKH03	Xác suất thống kê y học
2056	192012	Trần Ngọc	Ánh	27/11/2001	DH19YKH03	Kinh tế chính trị
2057	1910060	Nguyễn Hoàng	Phúc	23/09/90	DH19YKH03	Giải phẫu 1
2058	192012	Trần Ngọc	Ánh	27/11/2001	DH19YKH03	Giải phẫu 1
2059	199406	Nguyễn Xuân	Khôi	13/02/2001	DH19YKH04	Giải phẫu 1
2060	199344	Quách Gia	Hân	19/11/1998	DH19YKH04	Kinh tế chính trị
2061	199387	Mai Văn	Giàu	16/03/2001	DH19YKH04	Xác suất thống kê y học
2062	199804	Nguyễn Hoàng	Khang	09/05/2001	DH19YKH04	Giải phẫu 1
2063	189804	Nguyễn Thị Phương	Khanh	26/09/1999	DH19YKH05	Kinh tế chính trị
2064	189804	Nguyễn Thị Phương	Khanh	26/09/1999	DH19YKH05	Xác suất thống kê y học
2065	191044	Tạ Kim	Chi	15/05/1981	DH19YKH05	Kinh tế chính trị
2066	191044	Tạ Kim	Chi	15/05/1981	DH19YKH05	Xác suất thống kê y học
2067	199523	Bùi Thị Tuyết	Phương	29/06/1995	DH19YKH05	Giải phẫu 1
2068	199622	Trần Thị Kiều	Anh	06/09/2001	DH19YKH05	Giải phẫu 1
2069	199523	Bùi Thị Tuyết	Phương	29/06/1995	DH19YKH05	Kinh tế chính trị
2070	199622	Trần Thị Kiều	Anh	06/09/2001	DH19YKH05	Xác suất thống kê y học
2071	199666	Hứa Lan	Tường	12/05/2001	DH19YKH05	Giải phẫu 1
2072	199622	Trần Thị Kiều	Anh	06/09/2001	DH19YKH05	Kinh tế chính trị
2073	1910087	Nguyễn Trần	Vũ	10/08/2001	DH19YKH05	Xác suất thống kê y học
2074	199965	Đình Công	Nhờ	06/06/1992	DH19YKH05	Kinh tế chính trị
2075	1910087	Nguyễn Trần	Vũ	10/08/2001	DH19YKH05	Kinh tế chính trị
2076	1910087	Nguyễn Trần	Vũ	10/08/2001	DH19YKH05	Giải phẫu 1
2077	1910089	Đặng Đông	Phương	10/10/2001	DH19YKH05	Giải phẫu 1
2078	192380	Hồ Hải	Bằng	15/03/1996	DH19YKH05	Kinh tế chính trị